

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện kiến nghị qua giám sát của
Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh trong năm 2019**
(Báo cáo phục vụ kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh khóa XII)

Thực hiện Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị qua giám sát của HĐND tỉnh; UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh về kết quả thực hiện các kiến nghị qua giám sát của HĐND tỉnh trong năm 2019, như sau:

I. Báo cáo số 11/BC-HĐND ngày 01/7/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về Kết quả giám sát “Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan tại một số địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh”:

1. Tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở tại đơn vị, địa phương; đồng thời chỉ đạo UBND các cấp sơ kết, tổng kết đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế nhằm có giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo; kịp thời phát hiện nhân rộng các điển hình tiên tiến, chấn chỉnh các tồn tại, đưa công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn ngày càng đi vào nền nếp, đúng pháp luật và phát huy hiệu quả.

Kết quả triển khai thực hiện:

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, trên cơ sở ý kiến của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh tại Công văn số 02-CTr/BCĐ ngày 17/01/2020 về Chương trình công tác năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện¹ và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị khóa XI; Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 29/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở” và Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành văn bản đôn đốc các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với thực hiện công tác dân vận chính quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ

¹ Công văn số 534/UBND-NC ngày 03/2/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình công tác năm 2020 về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Công văn số 937/UBND-NC ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình công tác năm 2020 về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và dân vận chính quyền; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh về việc tổ chức Hội nghị đánh giá việc xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3046/UBND-NC ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh về sơ kết đánh giá và báo cáo kết quả triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở 6 tháng đầu năm 2020; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh về kiểm tra tình hình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận chính quyền năm 2020; Công văn số 1582/UBND-NC ngày 17/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

cán bộ công chức, thực hiện tốt việc xây dựng hương ước, quy ước ở cộng đồng dân cư, nắm bắt tâm tư nguyện vọng và giải quyết kịp thời những vướng mắc, kiến nghị của Nhân dân; nâng cao công tác phối hợp giữa UBND các cấp với Ban Dân vận cùng cấp về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận chính quyền; tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, công đoàn, các tổ chức đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

Trong năm 2020, việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã có nhiều đổi mới và tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã kịp thời kiện toàn và qua đó đã nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện. Nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là chính quyền ở cấp xã được nâng lên, đã phát huy quyền dân chủ của Nhân dân trong tham gia ý kiến về các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; các cấp chính quyền đã phát huy vai trò trong công tác vận động quần chúng trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh, của các địa phương và đạt nhiều kết quả trên các lĩnh vực như: Công tác cải cách hành chính được thường xuyên rà soát, bổ sung theo hướng thuận tiện, giảm phiền hà cho tổ chức và công dân khi liên hệ giải quyết công việc; tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao; phong trào xây dựng nông thôn mới, vận động Nhân dân di dời tái định cư, giải phóng mặt bằng phục vụ các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thực hiện hiệu quả; công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện tốt tạo niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước; các cấp chính quyền đã ban hành kịp thời, đồng bộ hệ thống các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp”. Qua đó, đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, phân tích nguyên nhân, vướng mắc, bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận trong các cơ quan hành chính Nhà nước và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện thời gian đến.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai quyết liệt. Trong năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về việc kiểm tra tình hình thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận chính quyền tại 07 cơ quan chuyên môn và đơn vị thuộc UBND tỉnh và 02 địa phương cấp huyện (mỗi huyện, thành phố kiểm tra từ 03 đến 04 đơn vị cấp xã). Thông qua kiểm tra nhằm đánh giá kết quả triển khai thực hiện, chỉ ra những khuyết điểm, giải quyết những khó khăn, kiến nghị của các địa phương, đơn vị. Trên cơ sở đó, phát hiện những cách làm hay, mô hình sáng tạo và nhân rộng điển hình về xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

2. Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng về CCHC đối với công chức, viên chức chuyên trách làm công tác CCHC để chương trình CCHC mang lại hiệu quả

trong việc thực hiện QCDC ở cơ sở tại các cơ quan, đơn vị.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nội dung về cải cách hành chính cho công chức, viên chức trực tiếp tham mưu công tác cải cách hành chính.

- Đối với cấp xã: Sở Nội vụ đã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác cải cách hành chính đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Để đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng chuyên đề về cải cách hành chính tại các địa phương, thời gian tới UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp tục khảo sát, xây dựng nội dung, tham mưu cấp tổ chức công tác tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ, lãnh đạo và đội ngũ chuyên trách làm công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

3. Chỉ đạo tổ chức tổng kết đánh giá việc xây dựng ban hành và thực hiện hương ước, quy ước ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, hướng dẫn các địa phương, cơ sở xây dựng và ban hành hương ước, quy ước phù hợp pháp luật, đặc điểm phong tục, tập quán và thực tiễn ở từng địa phương.

Kết quả triển khai thực hiện:

3.1 Tổ chức quán triệt

Tháng 9/2018, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị quán triệt nội dung Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước. Chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định, UBND các địa phương tăng cường tuyên truyền rộng rãi nội dung xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, vào dịp tổ chức Liên hoan Làng, khu phố, thôn văn hóa tỉnh trong tháng 9/2018 đã phổ biến nội dung văn bản về hương ước, quy ước và tình hình chung trong công tác xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước đến người dân các địa phương.

3.2 Thực hiện sơ kết và rà soát hương ước, quy ước

Ngày 09/10/2018, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh đã ban hành Văn bản số 1663/BCĐ-VPTT về việc hướng dẫn thực hiện, chỉ đạo sơ kết Phong trào năm 2018. Theo đó, Ban Chỉ đạo tỉnh đã đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát hương ước, quy ước đã được công nhận hoặc phê duyệt trên địa bàn bảo đảm phù hợp các nguyên tắc quy định tại Điều 4 và đúng thẩm quyền công nhận quy định tại Điều 9 Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Qua công tác rà soát, nhiều hương ước đã ban hành quá lâu chưa được sửa đổi, bổ sung nên chất lượng còn hạn chế, nặng về hình thức, chưa phù hợp tình hình thực tế tại địa phương, một số ít nội dung chưa sát với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó các địa phương đã thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc tiến hành thủ tục công nhận đối với hương ước, quy ước có nội dung hoặc thẩm quyền công nhận chưa phù hợp.

3.3 Công tác chỉ đạo xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao tiến hành xây dựng Kế hoạch thực

hiện Đề án tăng cường thực thi pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh (Căn cứ các Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 31/5/2018 về Kế hoạch triển khai thi hành Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và số 3727/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 về việc phê duyệt Đề án Tăng cường thực thi pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước giai đoạn đến năm 2021); hướng dẫn các địa phương xây dựng phối hợp triển khai việc thực hiện hương ước, quy ước gắn với thực hiện Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng gia đình văn hóa, làng, thôn, khu phố văn hóa...; quan tâm công tác rà soát, kiểm kê các loại hình di sản văn hóa phi vật thể và tập quán xã hội được ghi nhận trong hương ước, quy ước; từ đó đưa vào danh mục, trình cấp có thẩm quyền đưa vào danh mục để tổ chức bảo vệ, phát huy giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Đồng thời, khai thác thế mạnh của hương ước, quy ước trong quá trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn kết chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Đến nay, một số địa phương trên địa bàn tỉnh đã tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung hương ước, quy ước mang tính cộng đồng xã hội. Trong đó, quy định các nguyên tắc ứng xử do cộng đồng dân cư thỏa thuận đặt ra phù hợp với pháp luật và phong tục, tập quán tốt đẹp để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước trên từng địa bàn và phạm vi toàn tỉnh.

Hầu hết những hương ước, quy ước trên địa bàn tỉnh đều đưa vào các nội dung về thực hiện dân chủ ở cơ sở, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, làng, thôn, khu phố văn hóa ... thành những nội dung chính. Nhiều địa phương đã đưa nội dung về bảo vệ và phát triển sản xuất, phòng, chống các tệ nạn lạc hậu, mê tín dị đoan vào hương ước, quy ước; lồng ghép quy chế dân chủ vào hương ước như: Tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, tham gia các công trình phúc lợi công cộng, chủ trương vay vốn phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, chấp hành đúng độ tuổi kết hôn, hạn chế tảo hôn...

3.4 Tồn tại, hạn chế

- Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức tới công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hương ước, quy ước trong tự quản cộng đồng thôn, làng, khu phố. Một số nơi tuy đã xây dựng, công nhận hương ước, quy ước nhưng do làm chưa tốt công tác này nên việc thực hiện hương ước, quy ước còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao, tác dụng thực tế của hương ước, quy ước đối với quản lý cộng đồng chưa cao.

- Việc tham gia đóng góp ý kiến dự thảo hương ước, quy ước ở khu dân cư còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Một số địa phương nội dung hương ước, quy ước còn giống nhau chưa quy định cụ thể, rõ ràng khi tổ chức việc cưới, việc tang đã ảnh hưởng đến giao thông, vệ sinh môi trường, cảnh quan.

- Việc thẩm định hương ước, quy ước ở một số địa phương còn lúng túng, bị động do trước đây thuộc trách nhiệm của ngành Tư pháp nay chuyển qua ngành Văn hóa.

- Một số khu dân cư (làng, khu phố, thôn) thiếu hồ sơ lưu về biên bản, kết quả xác nhận của cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua quy ước; lưu thừa hoặc thiếu chữ ký

của các thành phần theo quy định tại khoản 4, Điều 9, Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.5 Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian đến

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về vị trí, vai trò hương ước, quy ước trong quản lý xã hội; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; tăng cường công tác chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong triển khai thực hiện. Gắn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước với thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc Vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân tham gia xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước. Không áp đặt, bắt buộc việc xây dựng hương ước, quy ước hoặc xây dựng hương ước, quy ước hàng loạt nhằm chạy theo thành tích.

- Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung thay thế các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, thôn, khu phố. Nội dung hương ước, quy ước phải ngắn gọn, cụ thể để người dân dễ nhớ và thực hiện; không sao chép quy định của pháp luật để điều chỉnh những quan hệ xã hội không cơ bản trong phạm vi thôn, làng, khu phố và mang tính tự quản mà pháp luật không điều chỉnh hoặc những tập quán chỉ riêng có ở cộng đồng dân cư đó. Xác định nội dung hương ước, quy ước phù hợp với từng vùng miền: Nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đô thị.

- Xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện hương ước, quy ước để kịp thời phát hiện sai phạm trong quá trình thực hiện; các nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, qua đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung; xác định cụ thể chế tài đối với hành vi vi phạm quy định hương ước, quy ước.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ xây dựng hương ước, quy ước; biên soạn, cập nhật tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về xây dựng, theo dõi thực hiện hương ước, quy ước cấp phát cho địa phương.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp thực hiện có hiệu quả; kịp thời động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước.

II. Báo cáo số 12/BC-KTNS ngày 28/6/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về “Tình hình thực hiện Nghị quyết số 31/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 về kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020”:

Kết quả triển khai thực hiện:

1. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh

Trên cơ sở Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh khóa XII về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai

đoạn 2016-2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025 để tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 01/4/2020, số 30/2020/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 và số 39/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025.

Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 28/6/2020 về quy định một số nội dung về lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội được đầu tư không phải bằng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 quy định công tác quản lý, sử dụng nhà chung cư...

2. Kết quả triển khai thực hiện

a) Về thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025:

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã và đang xây dựng 08 dự án nhà ở xã hội, với 4.730 căn hộ. Trong đó, đã xây dựng và đưa vào sử dụng 02 dự án với 621 căn, gồm: Dự án Nhà ở xã hội Phú Mỹ - Quy Nhơn (237 căn) và dự án Nhà ở xã hội - Chung cư Hoàng Văn Thụ (384 căn). Đang thi công xây dựng 06 dự án với 4.109 căn, gồm: Dự án Nhà ở xã hội - Chung cư Hoàng Văn Thụ (phần mở rộng) với 293 căn, dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh (Lamer1) với 486 căn, dự án Nhà ở xã hội Nam Ngân với 198 căn, dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình với 1.355 căn, dự án Khu chung cư nhà ở xã hội An Phú Thịnh với 926 căn, dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 (Lamer2) với 851 căn.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã công nhận 04 chủ đầu tư dự án với khoảng 2.100 căn nằm trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (gồm: Dự án Chung cư nhà ở xã hội Việt Pháp; dự án Nhà ở xã hội Nhơn Phú; dự án Nhà ở xã hội PISICO; dự án Nhà ở xã hội chung cư Phú Tài Lộc). Dự kiến các dự án nêu trên sẽ khởi công xây dựng trong năm 2021.

b) Đối với kế hoạch phát triển nhà ở xã hội cho người lao động (công nhân) đang làm việc tại các doanh nghiệp:

Theo Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh phải xây dựng 2.150 căn cho người lao động (công nhân) đang làm việc tại các doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay chưa thực hiện, cụ thể các dự án sau: Dự án nhà ở liên kế tại khu đất khoảng 1,4ha thuộc phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn; dự án tại khu đất diện tích 5,0ha tại Phân khu số 8 Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (nhà liên kế); dự án tại khu đất diện tích khoảng 5,0ha tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (nhà ở liên kế và chung cư thấp tầng) giải quyết nhu cầu nhà ở cho công nhân Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - Bình Định; dự án tại khu đất diện tích 5,0ha tại Phân khu số 5, Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (nhà liên kế); dự án tại Khu công nghiệp (Khu C) thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội khoảng 5,0 ha (nhà liên kế).

3. Đánh giá kết quả thực hiện

- Thời gian qua, UBND tỉnh đã thực hiện tốt việc lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không phải bằng nguồn vốn nhà nước. Đang tổ chức lựa chọn 03 dự án nhà

ở xã hội (dự án tại khu đất khu vực 1, phường Đông Đa, dự án tại khu đất phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, dự án tại khu đất phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn) theo Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 28/6/2020 của UBND tỉnh. Đối với các dự án thuộc đối tượng chấp thuận nhà đầu tư đang có quyền sử dụng đất hợp pháp, UBND tỉnh đang chỉ đạo triển khai các thủ tục liên quan để sớm triển khai xây dựng dự án theo kế hoạch.

Như vậy, đến thời điểm hiện tại tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2025 cơ bản đảm bảo, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho các nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế, chỉnh trang đô thị.

- Đối với việc triển khai các dự án nhà ở xã hội cho công nhân, do thực tế công nhân tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh ở tại nhà với cự ly di chuyển đến nơi làm việc không xa, có xe đưa đón đi về trong ngày, nên rất ít đối tượng có nhu cầu về chỗ ở, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Sở Xây dựng tiếp tục rà soát, kịp thời đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội theo nhu cầu và phù hợp với thực tế, kịp thời đáp ứng nhu cầu về nhà ở xã hội cho các đối tượng có liên quan.

- Về quản, sử dụng nhà ở xã hội: Sau khi UBND tỉnh có chủ trương về kiểm tra tình hình sử dụng căn hộ nhà ở xã hội, từ tháng 4/2018 cho đến nay Sở Xây dựng đã phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện 1.584 lượt kiểm tra thực tế tình hình sử dụng đối với các chủ sở hữu căn hộ thuộc 03 Chung cư: Long Thịnh, Simona và Hoàng Văn Thụ (kể cả ngày nghỉ, ngoài giờ làm việc). Qua kiểm tra, tổ công tác đã phát hiện 473 chủ sở hữu đã có các hành vi, như: Chuyển nhượng lại căn hộ nhà ở xã hội cho người khác sai quy định của pháp luật về nhà ở, việc chuyển nhượng thông qua hình thức “lách luật” như: Ủy quyền quản lý sử dụng căn hộ từ 10-30 năm, cho người khác mượn căn hộ, cho ở nhờ, cho thuê dịch vụ lưu trú kiểu homestay, cho thuê trọ và không sử dụng căn hộ... Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo xử lý vấn đề này như: Tạm ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước sinh hoạt đối với 473 căn hộ có sai phạm. Nhờ đó, tại 03 Chung cư nhà ở xã hội đã dần đi vào ổn định, giảm thiểu trường hợp sử dụng không chính chủ, an ninh trật tự, đậu đỗ xe tương đối bảo đảm, giảm thiểu tối đa các tệ nạn xã hội...

Để tăng cường công tác quản lý sử dụng nhà ở xã hội, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo các chủ đầu tư dự án đầu tư lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin (nhận diện khuôn mặt, quét thẻ, dấu vân tay,... khi ra vào chung cư) nhằm đảm bảo sử dụng đúng đối tượng, tăng cường bảo đảm an ninh trật tự.

- Về công tác xét duyệt đối tượng, điều kiện mua nhà ở xã hội: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc chủ đầu tư tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua, xét duyệt đối tượng, điều kiện mua nhà ở, chấm điểm ưu tiên, qua đó đã tổng hợp danh sách đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

- Về nâng cao hiệu quả cho vay mua nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng: Sau gần 3 năm thực hiện chương trình tín dụng cho vay nhà ở xã hội, chi nhánh NHCSXH tỉnh đã triển khai cho vay được cho 308 lượt hộ vay vốn để xây dựng mới, sửa chữa nhà ở, mua nhà ở xã hội với tổng số tiền gần 89,5 tỷ đồng. Trong đó:

Năm 2018, cho vay 72 hộ lượt hộ vay vốn với số tiền là 11,5 tỷ đồng; Năm 2019, cho vay 87 hộ lượt hộ vay vốn với số tiền là 26,7 tỷ đồng; 10 tháng năm 2020, cho vay 149 hộ lượt hộ vay vốn với số tiền là 51,3 tỷ đồng. Qua đánh giá, các hộ gia đình đã sử dụng vốn vay đúng mục đích, tham gia gửi tiết kiệm, trả lãi và chấp hành đúng quy định của NHCSXH. Đến ngày 31/10/2020, tổng dư nợ đạt 85,2 tỷ đồng với 297 hộ còn dư nợ. Trong đó: có 156 hộ còn dư nợ vay mua nhà ở xã hội, chiếm 52,5% số hộ còn dư nợ; tập trung chủ yếu ở địa bàn thành phố Quy Nhơn.

- Về việc sử dụng nguồn kinh phí các chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại nộp tiền tương đương giá trị quỹ đất 20% (đã nộp vào ngân sách tỉnh) phục vụ cho việc phát triển nhà ở xã hội:

+ Tỉnh đã hỗ trợ xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án để đảm bảo kết nối khi dự án nhà ở xã hội đưa vào sử dụng, như: Dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình, dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh (Lamer 1 và Lamer 2), dự án Nhà ở xã hội Nam Ngân,...

+ Về giải phóng mặt bằng: UBND tỉnh đã có Văn bản chỉ đạo các đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB đối với các dự án xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh; tổng hợp nhu cầu vốn, chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để đề xuất kế hoạch vốn thực hiện theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu vốn để thực hiện công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn để thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công. Riêng công tác GPMB thu hồi đất để thực hiện dự án đã được thực hiện tốt trong thời gian qua như dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình, dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh (Lamer 1 và Lamer 2),...

- Về quỹ đất để xây dựng nhà ở xã hội theo kế hoạch: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng đã phối hợp các ngành chuẩn bị đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội đến năm 2025 đáp ứng tốt nhất nhu cầu về nhà ở xã hội của các nhóm đối tượng liên quan.

4. Nhiệm vụ giải pháp trọng tâm thời gian đến.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 về việc quy định về đối tượng, điều kiện và tiêu chí ưu tiên để lựa chọn các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án do các thành phần kinh tế đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019, qua đó đã điều chỉnh thang điểm ưu tiên của tỉnh để các đối tượng chính sách, công nhân, hộ nghèo... được cộng thêm điểm, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng này được giải quyết mua nhà ở theo quy định.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục xem xét các giải pháp nhằm hạ giá bán nhà ở xã hội như: Khuyến khích đưa vào sử dụng các vật liệu mới, công nghệ xây dựng hiện đại đối với dự án nhà ở xã hội; xây dựng nhà ở xã hội thấp tầng; ưu tiên được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội Bình Định... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, công nhân, hộ nghèo... được mua nhà ở xã hội.

Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Bình Định quan tâm bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 để cho vay mua,

thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa nhà để ở theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay nhà ở xã hội giữa các địa bàn huyện, xã kịp thời, đúng quy định.

Ngoài ra, UBND tỉnh đang xem xét chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu đề xuất bố trí nguồn vốn từ quỹ đất 20% trong các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại có quy mô dưới 10ha do các chủ đầu tư lựa chọn hình thức nộp tiền để hỗ trợ phát triển các dự án nhà ở xã hội.

III. Báo cáo số 60/BC-KTNS ngày 06/12/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về “Tình hình thực hiện công tác quản lý thu thuế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2018”:

Kết quả triển khai thực hiện:

1. Xây dựng Phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi NSNN giai đoạn 2021-2025.

Hiện nay, tỉnh ta đang thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi NSNN theo quy định tại Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016, Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh. Theo các quy định này thì các khoản thu, nhiệm vụ chi NSNN đã cơ bản phù hợp và gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ điều tiết các khoản thu hầu hết phân chia cho cấp huyện, cấp xã hưởng 100% (trừ các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng theo chức năng, nhiệm vụ của tỉnh thực hiện quản lý trực tiếp).

Theo quy định, thời kỳ ổn định ngân sách cho giai đoạn tiếp theo là 2021-2025. Tuy nhiên, ngày 19/6/2020, Quốc hội khóa XIV ban hành Nghị quyết số 122/2020/NQ-QH14 cho phép “kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021”.

Do đó, việc kiến nghị nêu trên, UBND tỉnh tiếp thu và tiếp tục Sở Tài chính rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân cấp cho giai đoạn tiếp theo trong năm 2021 theo đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Hàng năm, Cục Thuế tỉnh đều xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật thuế ngay từ đầu năm; tăng cường công tác tuyên truyền về thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên website của Cục Thuế; đồng thời, Cục Thuế tỉnh đã cung cấp các văn bản chính sách chế độ mới, các ấn phẩm tuyên truyền, hướng dẫn về thuế cho người nộp thuế, đặc biệt gửi email cho người nộp thuế tuyên truyền về các chính sách thuế mới... Bên cạnh đó, đã áp dụng công nghệ thông tin vào công tác tuyên truyền, mở rộng thêm các hình thức tuyên truyền trên các ứng dụng nền tảng di động.

Vào ngày 12/10/2020, Cục Thuế tỉnh đã tổ chức thành công Hội Nghị thường niên đối thoại người nộp thuế (NNT), với sự tham gia của hơn 400 đại diện các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Nội dung Hội nghị tập trung phổ biến các điểm mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14; Nghị quyết 94/2019/QH14 về khoan nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp; các chính sách miễn,

giảm, gia hạn của Quốc hội và Chính phủ tháo gỡ khó khăn cho DN; các lỗi vi phạm thường gặp qua công tác quản lý thuế; Hóa đơn điện tử...

Kết quả về lượng của công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT trong năm: Đã cập nhật 637 tin bài tuyên truyền, phóng sự về hoạt động của ngành Thuế: 09 bản tin truyền hình, 257 bản tin truyền thanh và 73 bài viết trên các báo, tạp chí; trả lời 73 văn bản vướng mắc chính sách thuế; cùng với đó là hình thức hỗ trợ trực tiếp, qua email, điện thoại. Tổ chức 04 lớp tập huấn cho NNT với 525 lượt người tham dự; tổ chức 03 buổi đối thoại với 495 lượt người tham dự.

Kết quả về chất của công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT là nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế của NNT, làm giảm vi phạm hành chính về thủ tục (giảm số lượng vụ việc vi phạm, số tiền xử phạt vi phạm hành chính hơn 30% so với cùng kỳ năm trước); giảm xử phạt vi phạm hành chính qua công tác thanh tra, kiểm tra (giảm 53% số vụ việc và 32% số tiền xử phạt so với cùng kỳ năm trước); đồng thời, kết quả tăng thu qua công tác cảnh báo NTT tự rà soát, kê khai bổ sung cho thấy hiệu quả rõ nét: Tăng số thuế phải nộp 57,5 tỷ đồng, giảm thuế GTGT còn khấu trừ 8,9 tỷ đồng, giảm lỗ 103 tỷ đồng.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính về thuế, áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý thuế:

a) Cải cách thủ tục hành chính về thuế:

Hàng năm, Cục Thuế tỉnh đều ban hành Kế hoạch CCHC ngay đầu năm, đề ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao các Chỉ số thành phần, nỗ lực cải thiện thứ bậc xếp hạng của Cục Thuế tỉnh. Triển khai thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của ngành thuế bằng nhiều hình thức (trực tiếp, email, khảo sát điện tử qua Zalo, website).

Đã phối hợp với Trung tâm phục vụ Hành chính công của tỉnh tiếp nhận và xử lý hồ sơ liên quan đến việc:

+ Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế hộ kinh doanh cùng với thủ tục đăng ký hộ kinh doanh mới đã rút ngắn thời gian giải quyết 02 thủ tục này từ 08 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân và DN qua hệ thống VNPT I-Gate (thường xuyên theo dõi việc giải quyết hồ sơ nhằm hạn chế tối đa tình trạng chậm, muộn giải quyết hồ sơ).

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tích hợp thủ tục đăng ký kinh doanh của tổ chức, DN với đăng ký mã số thuế, rút ngắn thời gian cấp mã số thuế từ 03 ngày làm việc xuống còn 30 phút.

Triển khai giải quyết liên thông thủ tục hành chính đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký thuế hộ kinh doanh theo Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh. Kết quả đã xây dựng các bước điện tử trên Hệ thống phần mềm điện tử của tỉnh, hướng dẫn công chức các Chi cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ và cấp mã số thuế cho hộ kinh doanh trên Hệ thống phần mềm điện tử của tỉnh.

Triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hồ sơ hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử. Tất cả hồ sơ hoàn thuế xuất khẩu và đầu tư từ tháng 09/2017

trở đi đều được thực hiện bằng phương thức điện tử.

b) Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế:

- Triển khai dịch vụ thuế điện tử (eTax): Đến nay, tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ khai thuế, nộp thuế điện tử đạt 99,24%; tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hoàn thuế điện tử đạt 100%.

- Triển khai hóa đơn điện tử: Đến nay, số đơn vị đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử toàn tỉnh là 3.012 đơn vị, đạt tỉ lệ 41% tổng số đơn vị đủ điều kiện đăng ký áp dụng.

- Triển khai các ứng dụng CNTT áp dụng vào công tác quản lý thuế: Nâng cấp, quản trị, vận hành đảm bảo hoạt động ổn định.

- Thúc đẩy CNTT trong quản lý thuế và quản trị nội ngành: Cục Thuế tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thúc đẩy ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thuế. Theo đó nhiệm vụ chính của Ban Chỉ đạo là xây dựng các ứng dụng với các thuật toán giúp giải quyết các bài toán nghiệp vụ quản lý thuế, giám sát kê khai,... Một số kết quả đạt được:

+ Kết nối các ứng dụng nội ngành cùng các dữ liệu thu thập từ các sở, ngành để xây dựng ứng dụng “*Giám sát hồ sơ khai thuế - Tổng hợp nguồn thu*” (QGS) sử dụng chung toàn ngành thuế. Theo đó, đã giám sát chặt chẽ việc kê khai thuế của doanh nghiệp, qua đó phát hiện và cảnh báo những sai phạm để người nộp thuế tự rà soát, kê khai bổ sung, điều chỉnh nộp ngân sách tránh việc bị xử lý vi phạm hành chính.

+ Thuế nhà thầu nước ngoài (dịch vụ đặt phòng trực tuyến: Agoda, Booking,...): Đã có 38 NNT kê khai nộp thuế với số tiền 815 triệu đồng.

+ Xây dựng mới ứng dụng “*Quản lý khai thác nguồn thu*” giúp quản lý nguồn thu từ hoạt động xây dựng cơ bản nhà ở tư nhân và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; ứng dụng “*Quản lý tiền thuê đất*” giúp quản lý tập trung nguồn tiền thuê đất và đảm bảo thực hiện quy trình quản lý tiền thuê đất từ khâu thông báo đơn giá đến quyết toán theo quy định.

+ Triển khai ứng dụng Văn phòng điện tử “*Iofice*” trong toàn ngành, giúp vận hành, quản lý luồng công việc, đánh giá tiến độ, kết quả giải quyết công việc đến từng công chức; theo đó, phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị để theo dõi, giám sát, tổng hợp đề điều chỉnh cho phù hợp.

4. Công tác quản lý hộ kinh doanh:

- Cục Thuế tỉnh đã phối hợp với cơ quan Thống kê thường xuyên rà soát, phân loại, quản lý hộ kinh doanh theo quy định; kiểm tra chống sót hộ kinh doanh; khảo sát chéo doanh thu giữa các địa bàn làm cơ sở điều chỉnh doanh thu lập bộ năm sau. Qua đó thực hiện điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán đối với những hộ có biến động tăng, giảm doanh thu; thường xuyên theo dõi đưa vào lập bộ kịp thời đối với những hộ phát sinh mới trên địa bàn.

- Vận động các hộ kinh doanh có quy mô lớn (về doanh thu và lao động) chuyên đổi lên doanh nghiệp theo quy định; phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế quản lý thu hộ kinh doanh trên địa bàn sát với quy mô hoạt động SXKD, tiếp tục đưa các hộ kinh doanh có doanh thu trên mức 100 triệu đồng/năm vào diện quản lý thu thuế; thường xuyên theo dõi, đối chiếu dữ liệu nợ thuế, việc ban hành Thông báo nợ (Mẫu 07) với tình hình thực tế tại các Đội thuế liên xã, phường để kịp thời chấn chỉnh các sai sót.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai thông tin hộ kinh doanh hàng tháng theo quy định. Phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong việc cấp đăng ký kinh doanh với cấp mã số thuế cho hộ kinh doanh để quản lý chặt chẽ, kịp thời số hộ kinh doanh mới.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra về thuế:

Trong năm 2020, ngành thuế tỉnh đã triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về thuế, đạt kết quả như sau:

- Tại trụ sở NNT: Toàn ngành đã kiểm tra 178 doanh nghiệp; xử lý thu hồi hoàn, truy thu, phạt và tính chậm nộp là 8.822 triệu đồng, đồng thời giảm lỗ 12.616 triệu đồng, giảm số thuế GTGT được khấu trừ 892 triệu đồng.

- Tại trụ sở cơ quan thuế: Toàn ngành đã tập trung phân tích hồ sơ khai thuế của NNT trên ứng dụng QGS, phân tích chuyên sâu BCTC để thực hiện kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế 9.084 hồ sơ khai thuế, điều chỉnh tăng số thuế phải nộp 57.460 triệu đồng, giảm thuế GTGT còn khấu trừ 8.858 triệu đồng, giảm lỗ 103.075 triệu đồng.

- Kết quả kiểm tra sau hoàn thuế theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế: Toàn ngành đã kiểm tra sau hoàn thuế 07 doanh nghiệp. Kết quả thu hồi, phạt và tính chậm nộp 1.747 triệu đồng.

6. Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:

- Công tác quản lý nợ đọng thuế được sử dụng toàn bộ bằng ứng dụng công nghệ thông tin: Từ khâu theo dõi, giám sát, đôn đốc nợ thuế đến thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế. Đến ngày 30/9/2020, nợ thuế toàn ngành là 1.786 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ. Trong đó, nợ khó thu là 782 tỷ đồng; nợ chờ xử lý là 21,4 tỷ đồng; nợ có khả năng thu là 982,7 tỷ đồng.

- Về công tác đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thuế: Trong kỳ khóa sổ tháng 9/2020, toàn ngành đã ban hành 5.142 thông báo đôn đốc nợ đến người nộp thuế với tổng số tiền 912,7 tỷ đồng. Số tiền nợ thuế trên 90 ngày phải thực hiện cưỡng chế trong kỳ là 820,5 tỷ đồng. Số tiền đã thu được qua công tác đôn đốc và cưỡng chế thu nợ tính trong kỳ 93,4 tỷ đồng. Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2020 đã thu được 1.250,6 tỷ đồng.

- Triển khai Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội: Cục Thuế tỉnh đã triển khai và hướng dẫn thực hiện các bước trình tự, thủ tục, hồ sơ thống nhất chung toàn ngành theo Công văn số 1868/CT-QLN ngày 22/9/2020. Theo kế hoạch đã dự kiến toàn ngành sẽ xử lý được 507,5 tỷ đồng.

Về khoan nợ: Đến 30/10/2020 toàn ngành đã thực hiện ban hành 21 quyết định khoan nợ cho 1.441 đối tượng với tổng số tiền thuế khoan nợ là 153,1 tỷ đồng.

Về xóa nợ: Đã ban hành 16 thông báo công khai danh sách xóa nợ của 1.191 đối tượng với số tiền 73,8 tỷ đồng, sau thời gian công khai sẽ thực hiện các bước tiếp để theo trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định xóa nợ.

7. Về năng lực quản lý thuế, đạo đức công vụ của công chức thuế:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Cục Thuế tỉnh có Văn bản về việc cảnh báo những việc công chức thuế không được làm (theo quy định của Luật các bộ công chức; Luật phòng, chống tham nhũng; quy định của Bộ Tài chính, ngành Thuế,...). Thường xuyên giám sát, chấn chỉnh công chức về phong cách ứng xử với NNT trong quá trình thực thi công

vụ. Ngành thuế tỉnh đã và đang từng bước thay đổi phương thức quản lý thuế theo ba hướng: Thay đổi nhận thức và hành động từ quản lý NNT sang phục vụ NNT, thúc đẩy tính tự giác chấp hành pháp luật thuế cho NNT thay vì xử phạt và điện tử hóa tất cả các khâu trong công tác quản lý thuế thay cho thủ công. Phục vụ tốt NNT là một trong những biện pháp hữu hiệu vừa tạo điều kiện thuận lợi để NNT chấp hành đúng chính sách pháp luật thuế vừa giúp cơ quan Thuế tiết kiệm thời gian, nhân lực nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu thu đúng, thu đủ, thu kịp thời nguồn thu vào NSNN.

8. Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương trong công tác thu, nộp NSNN trên địa bàn tỉnh:

Cục Thuế tỉnh đã chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thu, nộp NSNN trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở KH-ĐT để thống kê các dự án đầu tư công trên địa bàn, qua đó phối hợp với các chủ đầu tư (các BQL, sở, ngành) cung cấp thông tin các nhà thầu để quản lý việc kê khai trích nộp NSNN nhất là các nhà thầu vắng lai. Phối hợp với Sở Công thương để theo dõi tiến độ đầu tư của các chủ đầu tư phát triển hệ thống cung cấp năng lượng; thông tin về lượng hàng tồn kho (titan) của các đơn vị được Bộ Công thương chấp nhận cho xuất khẩu. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh thu thập thông tin người lao động tham gia bảo hiểm; tích hợp lên ứng dụng QGS phục vụ công tác đối chiếu chi phí nhân công của DN. Phối hợp với Sở Du lịch thu thập danh sách các cơ sở lưu trú, chuẩn hóa lại dữ liệu trên ứng dụng “Quản lý lưu trú trực tuyến”; theo đó, tập trung hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện kê khai khách lưu trú trên ứng dụng theo quy định. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai kết nối thông tin dữ liệu điện tử giữa 02 ngành về xác định nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai; đã chuẩn bị giải pháp sử dụng chữ ký số thay thế bản giấy để đẩy nhanh tiến độ luân chuyển hồ sơ...

9. Công tác chống thất thu thuế

Cục Thuế đã ban hành Công văn số 1832/CT-NVDTPC ngày 17/9/2020 gửi các sở, ban, ngành có liên quan đề nghị rà soát lại thành viên của đơn vị mình nhằm kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ công tác chống thất thu NSNN tỉnh theo các Quyết định đã được UBND tỉnh ban hành. Triển khai thực hiện các giải pháp chống thất thu trên một số lĩnh vực:

- Tiếp tục triển khai đề án quản lý dán tem xăng dầu. Qua đó, kiểm soát được nguồn xăng dầu nhập vào, sản lượng bán ra tại các cửa hàng bán lẻ và các DN, góp phần tăng thu NS, đảm bảo dự toán thu thuế BVMT hàng năm (dự kiến năm 2020, số thu thuế BVMT vượt 12% so với dự toán năm).

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp liên ngành để khắc phục các vấn đề còn hạn chế trong việc quản lý lưu trú. Vừa qua, cơ quan công an đã đẩy mạnh trong toàn ngành việc tổ chức phê duyệt đăng ký lưu trú qua ứng dụng “Quản lý lưu trú trực tuyến”; đây là tín hiệu tích cực cho việc vận hành đồng bộ ứng dụng của 05 cơ quan (tài chính, thuế, du lịch, công an, thông tin - truyền thông) theo Chỉ thị 06/CT-UBND của UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở GTVT, Phòng CSGT để thống kê các phương tiện kinh doanh vận tải chuyển đi các địa phương khác kinh doanh nhưng không thực hiện nghĩa vụ thuế để quản lý thu theo đúng quy định.

- Xây dựng phần mềm quản lý XDCB nhà ở tư nhân, quản lý tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản để quản lý có hiệu quả nguồn thu từ các lĩnh vực này.

10. Đối với công tác quản lý tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Đối với tiền thuê đất, tiền sử dụng đất: Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế các địa phương đã tham mưu UBND các cấp chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đấu giá đất; rà soát, đôn đốc các DN còn nợ, huy động tối đa nguồn thu này vào ngân sách theo kế hoạch đề ra.

Đối với hoạt động khai thác khoáng sản: Ngoài quản lý theo lập bộ, đối với các DN có kê khai thuế tài nguyên, phí BVMT, phát sinh tiền thuê đất, cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện đối chiếu đồng bộ, làm rõ từng nghĩa vụ phải kê khai, nộp thuế của DN. Thống kê toàn bộ giấy phép khai thác khoáng sản trên toàn tỉnh (tên DN, MST, số giấy phép, cơ quan cấp phép, địa điểm mỏ, loại khoáng sản, thời hạn khai thác, trữ lượng hoặc công suất khai thác) đưa lên ứng dụng “*Quản lý khai thác nguồn thu*” để quản lý việc kê khai thuế tài nguyên, phí BVMT, tiền thuê đất, thuế GTGT... của DN theo quy định.

IV. Báo cáo số 17/BC-VHXXH ngày 10/6/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về việc Kết quả giám sát “Tình hình thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2018”:

1. Kiến nghị với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn cụ thể Luật BHXH năm 2014 để tổ chức tốt việc triển khai thực hiện, tránh mâu thuẫn và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện nay (Ví dụ: Theo Điều 14 Luật BHXH năm 2014 quy định về quyền và trách nhiệm của tổ chức Công đoàn: “Khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động theo quy định tại khoản 8 Điều 10 của Luật Công đoàn”; tuy nhiên, do chưa thống nhất về mặt pháp luật nên Tòa án yêu cầu phải có sự ủy quyền của người lao động cho Công đoàn khởi kiện nên thời gian qua chưa xử lý trường hợp nào...).

Kết quả triển khai thực hiện:

Thực hiện kiến nghị của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về nội dung trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo BHXH tỉnh có các Văn bản số 1595/BC-BHXH ngày 28/11/2019, số 414/BC-BHXH ngày 01/4/2020 và số 1303/BC-BHXH ngày 30/10/2020 báo cáo, đề xuất BHXH Việt Nam kiến nghị với Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Luật BHXH năm 2014, nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật BHXH phù hợp với tình hình thực tiễn và đảm bảo tính khả thi của luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động. Đến nay, BHXH Việt Nam chưa có ý kiến phản hồi.

2. Kiến nghị với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương xem xét, hướng dẫn về việc quản lý nợ và xử lý nợ BHXH, BHYT, BHTN đối với các đơn vị giải thể, phá sản, chủ sử dụng lao động bỏ trốn; doanh nghiệp dừng, không hoạt động, không có địa chỉ...

Kết quả triển khai thực hiện:

Vấn đề này, UBND tỉnh đã chỉ đạo BHXH tỉnh có các Văn bản số 1303/BC-BHXH ngày 30/10/2020 và số 414/BC-BHXH ngày 01/4/2020 báo cáo, kiến nghị, đề xuất BHXH Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề trình Chính phủ ban hành Nghị định về xử lý nợ BHXH, BHYT, BHTN đối với những đơn vị giải thể, phá sản, chủ sử dụng bỏ trốn; doanh nghiệp dừng hoạt động, không còn hoạt động, không có địa chỉ... nhằm nâng cao tính pháp lý của công tác xử lý nợ, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, tạo hiệu ứng tốt để người lao động tích cực tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

3. Tăng cường phối hợp tuyên truyền, triển khai thực hiện tốt chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan; chú trọng các giải pháp để thực hiện hoàn thành chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT theo Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra hàng năm.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thực hiện Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh về Quy chế phối hợp công tác thực hiện pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh, BHXH tỉnh đã chủ trì ký kết chương trình, quy chế phối hợp với 19 sở, ban, ngành, đoàn thể về tuyên truyền, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị; xây dựng kế hoạch phối hợp cụ thể theo từng năm, đưa ra các giải pháp nhằm triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ UBND tỉnh, BHXH Việt Nam giao.

Căn cứ chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, phát triển đối tượng tham gia BHYT hằng năm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, BHXH tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN; thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện thu nộp BHXH, BHYT, BHTN của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin, danh sách các đơn vị, doanh nghiệp nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN cho các cơ quan chức năng để phối hợp xử lý; phối hợp với cơ quan Thuế nắm bắt danh mục các doanh nghiệp, số lao động chưa tham gia BHXH để vận động, khai thác, phát triển đối tượng tham gia.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh và 3 đơn vị liên quan (Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) triển khai thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 25/10/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH; tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Lao động, Luật BHXH; rà soát, nắm các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN, chủ động triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho chủ doanh nghiệp và người lao động; thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm bảo vệ quyền lợi tham gia BHXH của người lao động.

UBND tỉnh cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT của tỉnh. Chỉ đạo BHXH tỉnh rà soát các chương trình, quy chế phối hợp đã ký kết với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các đơn

vị vi phạm pháp luật về BHXH, nâng cao hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về BHXH trên địa bàn tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trong năm 2019, BHXH tỉnh đã thành lập các đoàn thanh tra, thực hiện 19 cuộc thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHYT, BHTN tại 120 đơn vị sử dụng lao động; thực hiện 35 cuộc kiểm tra tại 60 đơn vị sử dụng lao động, 40 đại diện chi trả; thực hiện 25 cuộc thanh tra chuyên ngành đột xuất tại 65 đơn vị sử dụng lao động; tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra tại 21 đơn vị sử dụng lao động; thành lập Đoàn kiểm tra của BHXH tỉnh kiểm tra công tác KCB BHYT tại 04 cơ sở y tế tư nhân. Qua thanh tra, kiểm tra xác định số tiền phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN: 1,5 tỷ đồng; tổng số tiền nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN: 29 tỷ đồng; số tiền hưởng chế độ BHXH ngắn hạn không đúng quy định phải thu hồi: 88,4 triệu đồng; đề nghị xử phạt vi phạm hành chính 01 đơn vị với số tiền 25 triệu đồng; đề nghị thu hồi về quỹ BHYT 506,6 triệu đồng chi phí KCB BHYT thanh toán không đúng quy định.

Năm 2020, công tác thanh tra, kiểm tra về BHXH, BHYT bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19 qua 02 đợt bùng phát. Trong khi công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành chưa triển khai được, BHXH tỉnh đã tập trung đẩy mạnh công tác thanh tra chuyên ngành và thanh tra đột xuất về đóng BHXH, BHYT và kiểm tra việc thực hiện giải quyết, chi trả các chế độ BHXH, BHYT tại các đơn vị sử dụng lao động. Tính đến hết tháng 10/2020, BHXH tỉnh đã thực hiện thanh tra chuyên ngành về thu BHXH, BHYT, BHTN tại 07 đơn vị sử dụng lao động; thực hiện kiểm tra tại 29 đại lý thu và đại diện chi trả; kiểm tra tại 04 cơ sở KCB BHYT. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện và đề nghị các đơn vị sử dụng lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời cho người lao động, nhằm phát triển đối tượng tham gia, giảm nợ và hoàn thành kế hoạch thu theo đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, công tác khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp BHXH được quan tâm thực hiện. Trong năm 2019, 2020, có 06 đơn vị sử dụng lao động được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; 12 tập thể và 06 cá nhân được tặng Bằng khen của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam; BHXH Việt Nam tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Bảo hiểm xã hội” cho 24 lãnh đạo các huyện, thị xã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp BHXH; 33 tập thể, 22 cá nhân thuộc các đơn vị sử dụng lao động thực và 29 đơn vị nhà trường và 37 cá nhân thuộc các trường được Giám đốc BHXH tỉnh tặng giấy khen về thành tích thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2019, thực hiện tốt công tác BHYT học sinh - sinh viên năm học 2019-2020.

5. Tích cực tuyên truyền, phổ biến trực tiếp đến người lao động chính sách, pháp luật về BHXH sâu rộng, hiệu quả; chú trọng tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện; vận động các doanh nghiệp tham gia đóng BHXH bắt buộc đầy đủ cho người lao động.

Kết quả triển khai thực hiện:

BHXH tỉnh đã và đang phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật BHXH, BHYT dưới nhiều hình thức như: Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh thực hiện cấp phát trực tiếp tờ gấp tuyên truyền chính sách

BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình đến các hộ dân cư, lồng ghép trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổ chức 02 buổi giao lưu trực tuyến chính sách BHXH, BHYT trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT cho cán bộ thông tin, truyền thanh cơ sở thuộc các huyện, thị xã, thành phố; cán bộ Đài truyền thanh cấp xã; phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chi nhánh Đà Nẵng tổ chức các hội nghị tuyên truyền, đối thoại về chính sách BHXH, BHYT cho lãnh đạo doanh nghiệp, đại diện công đoàn của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp Trung tâm dịch vụ việc làm Bình Định tổ chức tọa đàm, trao đổi và hướng dẫn thực hiện chính sách BHYT cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và các cá nhân có sử dụng lao động tại Tây Sơn, An Nhơn, Phù Mỹ và Hoài Nhơn.

- BHXH tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các phường, xã tổ chức 111 cuộc hội nghị, các buổi đối thoại, tập huấn tuyên truyền trực tiếp về chính sách BHXH tự nguyện và 04 hội thi tìm hiểu về chính sách BHXH, BHYT dưới hình thức sân khấu hóa thu hút 11.445 lượt người tham dự.

- Phối hợp, cử báo cáo viên tham gia 343 hội nghị truyền thông trực tiếp về BHXH tự nguyện do Bưu điện tổ chức, thu hút 17.315 người tham dự và phát triển mới gần 7.500 người tham gia BHXH tự nguyện; phối hợp Bưu điện tỉnh tổ chức 02 lễ ra quân hưởng ứng Tháng vận động triển khai BHXH toàn dân (tháng 5) và Lễ ra quân hưởng ứng Ngày Bảo hiểm y tế Việt Nam 01/7 truyền thông trực tiếp, tuyên truyền, vận động tham gia BHXH tự nguyện tại các khu chợ, khu dân cư, làng nghề, các hộ kinh doanh, qua đó đã phát triển mới 1.122 người tham gia BHXH tự nguyện và 429 người tham gia BHYT hộ gia đình.

Qua công tác phối hợp tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật BHXH, BHYT đã cao nâng nhận thức của người dân và trách nhiệm của chủ sử dụng lao động trong việc tham gia BHXH, BHYT, góp phần phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT. Năm 2019, lao động tham gia BHXH bắt buộc tăng 5,7% (6.053 người), lao động tham gia BHXH tự nguyện tăng 182% (5.378 người), lao động tham gia BHYT tăng 9,5% (8.890 người) so với năm 2018. Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, song nhờ đẩy mạnh công tác truyền thông về BHXH, BHYT, số người tham gia BHXH tự nguyện và BHYT vẫn tăng so với cuối năm 2019, trong đó số người tham gia BHXH tự nguyện tăng 4.757 người (57,1%).

6. Tổ chức thực hiện tốt việc thu, chi BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, quan tâm giải quyết các chế độ BHXH cho người lao động đảm bảo đầy đủ, thuận tiện và đúng thời hạn.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thực hiện kiến nghị qua giám sát của HĐND năm 2019 về thực hiện công tác thu, chi, giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động, BHXH tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị trong ngành tập trung thực hiện tốt công tác thu, chi, đảm bảo thu, chi đúng quy định pháp luật, an toàn, thuận tiện, cho người hưởng; toàn Ngành đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ công tin, giao dịch điện tử trong thực hiện các thủ tục hành chính về BHXH, BHYT, rút ngắn thời gian

giao dịch BHXH, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Năm 2019, BHXH tỉnh tổ chức thu, chi BHXH, BHYT đúng quy định pháp luật, đảm bảo an toàn tuyệt đối, hoàn thành chỉ tiêu cấp trên giao, với tổng số tiền thu, chi: 6.461 tỷ đồng, trong đó thu: 3.029 tỷ đồng, chi: 3.432 tỷ đồng. Quyền lợi của người tham gia BHXH, BHYT được giải quyết đầy đủ, kịp thời đúng quy định của pháp luật. Năm 2019 có 2.860.886 lượt người KCB BHYT; 8.231 lượt người hưởng chế độ BHTN; 47.779 lượt người hưởng các chế độ BHXH; 28.847 người hưởng chế độ BHXH thường xuyên hằng tháng.

Năm 2020, hoạt động thu, chi BHXH, BHYT có khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên BHXH tỉnh triển khai đồng bộ các giải pháp trong thực hiện công tác thu, chi phù hợp với các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 của Chính phủ, của UBND tỉnh và BHXH Việt Nam, trong đó đẩy mạnh thực hiện giao dịch hồ sơ trực tuyến, thu, chi qua hình thức không sử dụng tiền mặt nhằm phòng chống lây nhiễm dịch bệnh và đảm bảo không làm gián đoạn công tác thu, chi, phục vụ kịp thời việc giải quyết chế độ, chính sách và chi trả cho người hưởng. Kết quả trong 10 tháng năm 2020, BHXH tỉnh đã tổ chức thu, chi đầy đủ, an toàn: 5.385 tỷ đồng, trong đó thu: 2.488 tỷ đồng, chi: 2.897 tỷ đồng; KCB BHYT cho 2.134.584 lượt người; 8.520 lượt người hưởng chế độ BHTN; 37.195 lượt người hưởng các chế độ BHXH; 29.820 người hưởng chế độ BHXH thường xuyên hằng tháng. Việc tổ chức giải quyết, chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ BHXH, BHYT cho người hưởng, nhất là trong 02 giai đoạn dịch bệnh bùng phát đã góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

7. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Nhơn Hội, các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa tham gia BHXH hoặc có tỷ lệ người lao động tham gia BHXH bắt buộc thấp so với tổng số lao động trong doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định của pháp luật về BHXH; cần đặc biệt chú trọng tuyên truyền trực tiếp đến người lao động trong Khu kinh tế để giúp họ nhận thức đúng, đầy đủ hơn về chính sách BHXH.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trên cơ sở Quy chế phối hợp, hàng năm Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật BHXH; đồng thời, theo chức năng, nhiệm vụ quy định của từng cơ quan, đơn vị đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về BHXH.

Định kỳ khoảng Quý III hàng năm, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với BHXH tỉnh tổ chức 01 hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật với các nội dung liên quan đến một số điểm mới của Luật BHXH, BHYT, BHTN, có khoảng 150 người của hơn 100 doanh nghiệp tham dự.

Ngoài ra, đã đăng tải nhiều nội dung liên quan đến chế độ chính sách đối với người lao động như: Bộ luật lao động, Luật BHXH, BHYT, BHTN các văn bản pháp luật mới... trên Bản tin Khu kinh tế, Website của Ban Quản lý Khu kinh tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Công đoàn Khu kinh tế. Hiệu quả của tích cực của công tác tuyên truyền, phối hợp công tác giữa các cơ quan được thể hiện qua số lượng doanh nghiệp, số lượng người lao động tham gia BHXH đều tăng qua các năm gần đây:

Nhìn chung, nhận thức của doanh nghiệp và người lao động về BHXH ngày càng được nâng cao; thời gian qua, chưa có doanh nghiệp nào vi phạm đến mức phải kiến nghị xử lý, xử phạt.

V. Báo cáo số 31/BC-VHXH ngày 26/11/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về việc Kết quả giám sát “Tình hình thực hiện Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học (mầm non và phổ thông) của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định đến năm 2020”:

1. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp để đáp ứng đủ quy mô phòng học, phòng chức năng đảm bảo mục tiêu dạy học 2 buổi/ngày đối với cấp mầm non, tiểu học theo Chương trình đổi mới giáo dục.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thời gian qua, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất hàng năm và giai đoạn (05 năm), lập kế hoạch đầu tư đảm bảo nâng cao cơ sở vật chất, đáp ứng đủ phòng học, phòng bộ môn cho các trường mầm non, tiểu học để thực hiện dạy và học 02 buổi/ngày theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025.

Để đảm bảo tốt điều kiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị dạy và học phục vụ năm học mới 2020-2021, UBND tỉnh đã đầu tư 87,6 tỷ đồng xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất một số trường trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo mua sắm trang thiết bị với giá trị 82,1 tỷ đồng (gần 19.000 bộ bàn ghế học sinh, 450 ghế học sinh, 38 bộ bàn ghế phòng họp hội đồng, 802 bộ máy vi tính, 1 máy photocopy, 7 máy in, 124 phòng thiết bị dạy học ngoại ngữ tương tác đa năng, 91 tivi và loa âm thanh cho giáo dục mầm non). Đặc biệt, đây là năm đầu tiên triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, cơ sở vật chất các trường tiểu học đã đảm bảo cho 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày.

2. Kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ 13 tỷ đồng còn lại từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đã tiết kiệm chi (10% trong tổng số 130 tỷ đồng đã phân bổ cho tỉnh) để tiếp tục triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo giai đoạn 2017-2020.

Kết quả triển khai thực hiện:

Dự án đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo giai đoạn 2017-2020 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện từ năm 2017-2020 và đã xây dựng, bàn giao đưa vào sử dụng 250/251 phòng học mầm non, tiểu học (01 phòng không thực hiện do quy hoạch của huyện). Tuy nhiên, hiện nay 13/130 tỷ đồng tiết kiệm chi từ vốn trái phiếu Chính phủ hiện chưa được phân bổ để tiếp tục triển khai thực hiện Dự án. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo có nhiều văn bản kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phân bổ nguồn 13 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ dự phòng còn lại để triển khai đầu tư bổ sung phòng học cho các trường mầm non, tiểu học tại các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

3. Nghiên cứu, xem xét tình hình thực tế của các huyện để trình HĐND tỉnh nâng mức hỗ trợ đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất trường, lớp đối với các địa phương thu ngân sách thấp.

Kết quả triển khai thực hiện:

Tiếp thu kiến nghị Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất mức hỗ trợ đầu tư xây dựng mới trường, lớp học đối với các địa phương thu ngân sách thấp trên địa bàn tỉnh, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo.

4. Chỉ đạo các địa phương tiếp tục quy hoạch diện tích đất để đầu tư xây dựng trường, lớp học đảm bảo tổ chức dạy bán trú cho học sinh, đặc biệt ở cấp học mầm non, tiểu học. Quy hoạch quỹ đất để thực hiện xã hội hóa theo hướng xây dựng trường, lớp học chất lượng cao; đồng thời, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực giáo dục.

Kết quả triển khai thực hiện:

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý, đề xuất quy hoạch đất đai phục vụ cho việc đầu tư xây dựng trường, lớp hàng năm và giai đoạn của từng địa phương. Trong đó, tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng trường, lớp học đảm bảo tổ chức dạy bán trú cho học sinh, đặc biệt ở cấp học mầm non, tiểu học và quy hoạch quỹ đất để thực hiện xã hội hóa giáo dục. UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục ưu tiên quy hoạch quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo.

5. Rà soát tổng thể lực lượng giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục, ưu tiên bố trí giáo viên theo định mức biên chế quy định đối với từng cấp học để đảm bảo số lượng giáo viên giảng dạy và sĩ số học sinh/lớp.

Kết quả triển khai thực hiện:

Công tác rà soát, bố trí, tuyển dụng giáo viên các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở do UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động rà soát, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo có Văn bản đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc thực hiện.

Công tác rà soát, bố trí, tuyển dụng giáo viên cấp trung học phổ thông do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện. Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, đánh giá thực trạng, xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị trực thuộc Sở và đã phối hợp thỏa thuận cùng Sở Nội vụ thực hiện tại Công văn số 2083/SGDDĐT-TCCB ngày 19/10/2020 về việc thỏa thuận Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm học 2020-2021.

6. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phê duyệt chủ trương nâng cấp Trường chuyên biệt Hy vọng Quy Nhơn thành Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh; đồng thời, bố trí kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ.

Kết quả triển khai thực hiện:

Các nội dung về việc nâng cấp Trường chuyên biệt Hy vọng Quy Nhơn thành Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh đang được triển khai thực hiện. Trường chuyên biệt Hy vọng Quy Nhơn đã rà soát thực trạng và đang xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh trên cơ sở nâng cấp Trường chuyên biệt Hy vọng Quy Nhơn để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Theo Thông tư liên tịch 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật có nhiều chức năng; là đầu mối hướng dẫn các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh và phụ huynh về những vấn đề có liên quan đến giáo dục khuyết tật; Bồi dưỡng, phát triển và tư vấn cho các cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên hỗ trợ và các cán bộ có liên quan về công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng, hướng nghiệp và dạy nghề cho người khuyết tật (NKT); giáo dục các kỹ năng đặc thù cho NKT tại Trung tâm; tư vấn, hướng nghiệp, dạy nghề và hỗ trợ việc làm cho NKT; hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài về công tác chăm sóc, giáo dục, HN-DN cho học sinh và thanh thiếu niên khuyết tật...

Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đang sử dụng nguồn vốn sự nghiệp giáo dục để cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho trường trong 2 năm 2020 và 2021 để đảm bảo điều kiện hoạt động cho trường; đồng thời, nâng cấp trường Chuyên biệt Hy Vọng Quy Nhơn thành Trung tâm giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật của tỉnh.

7. Rà soát lại các nhiệm vụ, chỉ tiêu mà Nghị quyết 28/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh đề ra đến năm 2020 (phù hợp với các quy định của Đảng và Nhà nước hiện nay) để có giải pháp thực hiện hiệu quả; đồng thời có kế hoạch, giải pháp khắc phục tình trạng vượt quy mô số điểm lẻ tối đa/trường, quy mô số lớp/trường, số học sinh/lớp, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Rà soát lại các nhiệm vụ, chỉ tiêu

Qua 07 năm triển khai thực hiện về cơ bản giáo dục mầm non, tiểu học đã đạt được các nội dung quy hoạch, cụ thể:

* Đối với giáo dục mầm non:

- Về quy mô mạng lưới trường, lớp: Hiện nay cấp học Mầm non có 212 trường; trong đó có 169 trường mầm non, mẫu giáo công lập/159 xã, phường, thị trấn; đảm bảo mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 trường mầm non, mẫu giáo công lập.

Toàn tỉnh có 639 điểm lẻ/212 trường, bình quân mỗi trường có 03 điểm lẻ; tuy nhiên cá biệt vẫn còn một số trường có điểm lẻ nhiều hơn 07 điểm (*Phù Cát, Tuy Phước*).

Có 1.839 nhóm, lớp/212 trường, bình quân 8,7 nhóm, lớp/trường không vượt quá 15 nhóm, lớp/trường theo quy định; tuy nhiên hiện nay trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát có 10 trường vượt trên 15 nhóm, lớp/trường;

- Về số trẻ em được bố trí trên từng lớp đạt 26,7 trẻ/ lớp (61.441trẻ/2.304 nhóm, lớp) không vượt so với quy định;

- Diện tích đất ở thành phố, thị xã, thị trấn đảm bảo tối thiểu 8m²/trẻ; vùng nông thôn tối thiểu 15m²/trẻ; tuy nhiên ở thành phố Quy Nhơn một số điểm trường mẫu giáo xã, phường còn học chung với trụ sở khu vực, diện tích còn hẹp so với quy định.

Năm 2020, toàn tỉnh xây mới 23 trường mầm non (chủ yếu là trường mầm non tư thục) và xây dựng bổ sung 620 phòng học (so với quy hoạch còn thiếu 23 trường mầm non và 157 phòng học). Kinh phí chi cho GDMN hàng năm còn ít so với các cấp học khác trên địa bàn và trên tổng ngân sách cho GD của tỉnh hàng năm.

Giải pháp thực hiện: Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện mạng lưới trường lớp và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển Giáo dục Mầm non tỉnh giai đoạn 2020-2025 nhằm hoàn thiện mạng lưới trường lớp và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phổ cập giai đoạn tiếp theo.

* Đối với giáo dục tiểu học:

- Năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 204 trường tiểu học, giảm 14 trường so với năm học 2019-2020 (*do thực hiện chủ trương sáp nhập để đầu tư tập trung*) với 4.279 lớp, 122.715 học sinh. Mỗi xã, phường, thị trấn đều có trường tiểu học công lập.

- Số lượng các điểm trường đã được thu hẹp, cơ bản đảm bảo các điều kiện phù hợp với quy định của Đảng và Nhà nước hiện nay, chỉ có trường tiểu học Canh Liên, huyện Vân Canh còn 6 điểm trường do địa hình phức tạp.

- Một số trường tiểu học của thành phố, thị xã vẫn còn thiếu phòng học, số lượng học sinh vượt quá quy định cho phép (40-45 học sinh) nên việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện còn nhiều hạn chế.

- Giải pháp thực hiện: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo việc chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong đó có Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh và Công văn số 6964/UBND-VX ngày 14/11/2019 về đảm bảo các điều kiện cần thiết để đáp ứng công tác tổ chức dạy học 02 buổi/ngày cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh... Trên cơ sở đó UBND các huyện, thị xã, thành phố đã và đang xây dựng lộ trình thực hiện kế hoạch xây dựng, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị để các trường tiểu học đủ điều kiện thực hiện chương trình GDPT 2018.

8. Chỉ đạo rà soát, đầu tư chuẩn hóa trường, lớp học đối với giáo dục mầm non và kiên cố hóa phòng học tại các điểm trường, phân hiệu tiểu học và các trường THCS; tập trung đầu tư cơ sở vật chất để phát triển mạng lưới trường lớp đạt kết quả cao. Đồng thời, tăng cường đổi mới công tác tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo vững về chuyên môn, thành thạo phương pháp, công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Kế hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non và phổ thông của ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 được thực hiện theo Quyết định số 4008/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh. Trên cơ sở thực trạng về cơ sở vật chất trường học đến năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo đang phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Việc đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học phải được thực hiện đúng theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học. Cơ sở vật chất trường học sẽ được đầu tư theo hướng chuẩn hóa đảm bảo mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo.

b) Để đảm bảo vững về chuyên môn, thành thạo về phương pháp, công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới, trong những năm qua Sở Giáo dục và Đào tạo đã thường xuyên tổ chức Hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên với nhiều hình thức, phù hợp với từng giai đoạn như: Tập huấn công tác quản lý, quản trị nhà trường; tập huấn Tin học, tập huấn về dạy học lớp ghép, dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình, tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học ...

Công tác tập huấn bồi dưỡng những năm gần đây đã có nhiều sự đổi mới. Cán bộ quản lý, giáo viên không còn tham dự, ngồi nghe một chiều mà còn tham gia ý kiến tích cực, chia sẻ, đề xuất vấn đề được bồi dưỡng... Quá trình tương tác giữa các thành viên trong các buổi hội thảo, tập huấn đã góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.

Trước mắt để đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có nhiều Công văn hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; là hình thức bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả nhất đối với giáo viên. Thông qua những bài giảng minh họa, giáo viên trao đổi, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, học hỏi những phương pháp dạy học mới, giúp giáo viên có nhiều kinh nghiệm để thao tác với chương trình, sách giáo khoa, sách giáo viên và tài liệu, quyết định khi nào cần can thiệp và can thiệp như thế nào vào việc học của học sinh.

Thời gian tới, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tăng cường tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên, nhất là giáo viên lớp 1, lớp 2, lớp 6; phối hợp với trường Đại học Quy Nhơn đào tạo giáo viên dạy liên môn Lịch sử - Địa lý và giáo viên dạy khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) cấp THCS.

9. Chỉ đạo bố trí biên chế nhân viên y tế cho cấp học mầm non và 01 biên chế bảo vệ hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ cho bậc trung học cơ sở, vì hiện nay bậc mầm non và tiểu học đã được bố trí chỉ tiêu hợp đồng bảo vệ.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Đối với việc bố trí biên chế nhân viên y tế: Theo quy định tại Thông tư số

06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ thì số lượng người làm việc tại các trường gồm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên do UBND huyện phân bổ trong tổng số biên chế sự nghiệp do UBND tỉnh giao theo kế hoạch trường, lớp, số học sinh từng năm học. Đối với nhân viên y tế tại các cơ sở giáo dục thực hiện theo Công văn số 2378/VPCP-KGVX ngày 08/4/2015 của Văn phòng Chính phủ, tạm thời dừng tuyển dụng viên chức chuyên trách làm công tác y tế, tài chính kế toán tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. Vì vậy, để thực hiện nhiệm vụ công tác y tế trường học các trường mầm non ký hợp đồng với Trạm Y tế xã, phường, thị trấn hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ hình thức phòng khám đa khoa trở lên để chăm sóc sức khỏe học sinh theo quy định tại Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với bố trí 01 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP làm công tác bảo vệ tại các trường trung học cơ sở: Theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Bộ Nội vụ thẩm định giảm 10% số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP (từ 668 người xuống còn 599 người). Vì vậy, hiện nay các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đang sử dụng nguồn thu của trường để hợp đồng bảo vệ. Thời gian tới, thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các trường phổ thông để tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ phê duyệt.

10. Chỉ đạo Sở Nội vụ, UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ hàng năm tổ chức thi tuyển (hoặc xét tuyển đặc cách) viên chức ngành giáo dục để kịp thời bổ sung số giáo viên nghỉ hưu, chuyển công tác, đảm bảo định mức giáo viên/lớp.

Kết quả triển khai thực hiện:

Tiếp thu kiến nghị của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thường xuyên rà soát tình hình viên chức ngành giáo dục tỉnh để kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thi tuyển (hoặc xét tuyển đặc cách), nhằm đảm bảo số lượng viên chức ngành giáo dục tỉnh đáp ứng yêu cầu giáo viên giảng dạy, nhất là bậc mầm non và tiểu học.

11. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên dành kinh phí để đền bù, giải phóng mặt bằng; đồng thời, dành quỹ đất để xây dựng, mở rộng trường học đảm bảo diện tích tối thiểu/học sinh; mặt khác, khi quy hoạch phát triển các khu dân cư mới cần ưu tiên bố trí quỹ đất cho công trình giáo dục phù hợp về quy mô diện tích và theo định hướng phát triển.

Kết quả triển khai thực hiện:

Tiếp thu kiến nghị Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu nội dung kiến nghị, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo.

VI. Báo cáo số 25/BC-BPC ngày 08/7/2019 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc Kết quả giám sát về tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống ma túy và các chất gây nghiện trên địa bàn tỉnh:

Kết quả triển khai thực hiện:

1. Tình hình, kết quả thực hiện

a) Công tác chỉ đạo, quản lý cai nghiện ma túy.

Trên cơ sở Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03/6/2008; Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo ban hành các quyết định, Kế hoạch, Văn bản tổ chức triển khai thực hiện như:

Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 61-CT/TU ngày 16/01/2020 và Công an an tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 290/KH-CAT-PV01 ngày 20/3/2020 triển khai Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 16/8/2019 về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, Công an tỉnh đều tham mưu Ban chỉ đạo 138 tỉnh ban hành các kế hoạch về thực hiện hiện công tác phòng, chống tội phạm; kế hoạch triển khai chương trình công tác trọng tâm về công tác phòng, chống AIDS, phòng, chống ma túy, mại dâm; kế hoạch triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy...

Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Quy định mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Quyết định số 3657/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh bổ sung chức năng của Cơ sở cai nghiện ma túy, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Kế hoạch số 384/KH-SLĐTBXH ngày 19/02/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2020.

Ngoài các văn bản nêu trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có văn bản hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở, Phòng Lao động - TB&XH huyện, thị xã, thành phố và cộng tác viên truyền thông về phòng, chống tệ nạn xã hội triển khai thực hiện công tác cai nghiện ma túy thuộc phạm vi ngành quản lý.

b) Về công tác tuyên truyền, vận động người nghiện ma túy tham gia cai nghiện

- Năm 2020, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký đã kết hợp đồng trách nhiệm với 18 UBND xã, phường, thị trấn thực hiện duy trì và xây dựng địa phương lành mạnh không để phát sinh tệ nạn ma túy, mại dâm; chỉ đạo trực tiếp 18 cộng tác viên truyền thông phòng, chống tệ nạn xã hội ở 18 xã, phường, thị trấn trọng điểm ma túy, thực hiện công tác truyền thông về phòng, chống tệ nạn ma túy tại địa bàn. Phối hợp với Sở Y tế, Công an tỉnh, Tỉnh đoàn, Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội, Báo Bình Định,... thực hiện tuyên truyền về phòng, chống ma túy tại cộng đồng, trường học và trên các phương tiện truyền thông. Tổ chức 09 lớp tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, trong đó có công tác phòng, chống ma túy, quản lý cai nghiện ma túy, với hơn 1.000 đại biểu là cán bộ cấp huyện, cấp xã, cán bộ thôn, khu phố tham dự. Tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho học viên và người nhà học viên về các chế độ chính sách cai nghiện ma túy ở

cơ sở cai nghiện.

- Công an tỉnh cũng đã phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố mở 07 diễn đàn, 67 lượt tuyên truyền pháp luật về phòng chống ma túy tại các địa bàn dân cư, trường học, cơ quan, doanh nghiệp...

Bên cạnh đó, Công an tỉnh cũng đã tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ gắn với khung tiêu chuẩn, tiêu chí bố trí cán bộ ở 4 cấp Công an bảo đảm “tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”, trong đó có lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy ở cấp cơ sở. Hàng năm, Công an tỉnh đều ban hành kế hoạch triển khai Chương trình công tác trọng tâm về công tác phòng, chống AIDS, phòng, chống ma túy, mại dâm và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương tổ chức rà soát, thống kê, quản lý chặt chẽ người nghiện ma túy... Hiện trên địa bàn tỉnh có 811 người sử dụng ma túy; có 60/159 xã, phường, thị trấn có người sử dụng ma túy.

c). Chỉ đạo, hướng dẫn y tế cấp huyện và cấp xã bảo đảm đủ về điều kiện vật chất, thuốc hỗ trợ cho công tác điều trị nghiện ma túy.

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành y tế tăng cường thực hiện bảo đảm đủ về điều kiện vật chất, thuốc hỗ trợ cho công tác điều trị nghiện ma túy, với các nội dung như sau:

- Các đơn vị trực thuộc có liên quan, phối hợp chặt chẽ với đơn vị Công an các cấp trong việc khám, xác định tình trạng nghiện ma túy, các trạm y tế tăng cường công tác phát hiện, xác định, chẩn đoán các tình trạng nghiện ma túy kể cả dạng thuốc phiện và ma túy tổng hợp và chuyển tuyến các trường hợp khó để được chẩn đoán xác định và điều trị;

- Bệnh viện Tâm thần sẵn sàng tiếp nhận, thu dung các trường hợp nghiện ma túy tổng hợp dạng Amphetamine hoặc nghi ngờ do cơ sở y tế tuyến dưới chuyển đến để xác định chẩn đoán theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐT BXH-BCA;

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tăng cường đưa tin các hoạt động truyền thông, giáo dục về tình hình và tác hại của việc sử dụng ma túy tổng hợp gây ra cho bản thân, gia đình và xã hội trên tạp chí Giáo dục sức khỏe và các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Công tác phối hợp, quản lý người nghiện

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động phối hợp với các sở, ngành, liên quan và địa phương thực hiện tập huấn, tuyên truyền, truyền thông, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện công tác cai nghiện ma túy, chủ yếu tập trung quản lý, giáo dục, cai nghiện tại gia đình, cộng đồng phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Công tác phối hợp, quản lý người nghiện ma túy luôn được chú trọng, tăng cường công tác phối hợp với cơ quan Công an nơi Cơ sở đặt trụ sở để thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, toàn xã hội. Theo đó, Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh đã ký hợp đồng với Công an phường Bùi Thị Xuân phối hợp thực hiện công tác quản lý người nghiện tại cơ sở. Tại Cơ sở Cai nghiện ma túy của tỉnh đang thực hiện nhiệm vụ cai nghiện bắt buộc, cai nghiện tự nguyện, phối hợp với Sở Y tế trong thực hiện điều trị nghiện thay thế bằng Methadone. Năm 2020, đã thực hiện cai nghiện cho hơn 20 đối tượng nghiện ma

túy.

Hiện nay, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đang xây dựng Quy chế quản lý người sử dụng ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh (Đang lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành liên quan).

đ) Đầu tư cho công tác cai nghiện và chế độ chính sách hỗ trợ

- Đầu tư cho công tác cai nghiện:

Cơ sở cai nghiện ma túy của tỉnh xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo đủ điều kiện quản lý học viên vào cai nghiện, nhiều đối tượng vào cai nghiện trong thời gian ngắn đã đục tường, vượt rào trốn trại, một số đối tượng cai nghiện tự nguyện không chấp hành nội quy, quy chế của Cơ sở....

Trong 02 năm 2019-2020, Cơ sở cai nghiện ma túy được UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm cho xây dựng, sửa chữa nhỏ, nâng cấp một số hạng mục, công trình, mua sắm trang thiết bị như máy giặt, ti vi, máy tắm nước nóng để phục vụ công tác tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy vào cai nghiện tại Cơ sở, tuy nhiên về lâu dài cần phải sớm quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để đảm bảo tiếp nhận, quản lý, cai nghiện đối tượng nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

- Chế độ chính sách hỗ trợ:

Công tác quản lý, chế độ hỗ trợ cho người nghiện ma túy cai nghiện thực hiện theo Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh và các văn bản khác có liên quan.

Cán bộ trực tiếp thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, điều trị người cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy của tỉnh được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

e) Khó khăn, tồn tại

Cơ sở cai nghiện ma túy của tỉnh xuống cấp nghiêm trọng, tuy đã được quan tâm, hỗ trợ cho xây dựng, sửa chữa nhỏ, nâng cấp một số hạng mục, công trình, nhưng về lâu dài cần sớm quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để đảm bảo tiếp nhận, quản lý, cai nghiện đối tượng nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới

- Tiếp tục thực hiện công tác truyền thông về phòng, chống ma túy; kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác phòng, chống ma túy ở các địa phương, cơ sở.

- Tiếp tục chỉ đạo Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh, tăng cường công tác quản lý, giáo dục, cai nghiện ma túy có hiệu quả, củng cố cơ sở vật chất để tiếp nhận đối tượng. Thực hiện tốt công tác quản lý người nghiện, giám thiếu đối tượng bỏ trốn, tổ chức tốt chăm sóc sức khỏe và cai nghiện ma túy (cả bắt buộc và tự nguyện) theo quy định tại Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Nghị định 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn (địa phương có người nghiện ma túy) thực hiện công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐT BXH-BYT-BCA đảm bảo các hoạt động tư vấn, cắt cơn nghiện, giải độc và quản lý sau cai, giúp đỡ và hỗ trợ tâm lý không phân biệt đối xử hoặc xa lánh kỳ thị với người nghiện ma túy.

- Tiếp nhận, quản lý, giáo dục và tổ chức cai nghiện ma túy cả bắt buộc và tự nguyện, đồng thời tổ chức quản lý sau cai; nâng cao chất lượng công tác cai nghiện, phục hồi sức khỏe cho người nghiện. Người hết thời gian tập trung cai nghiện, chữa bệnh tại Trung tâm cho về gia đình địa phương sớm ổn định cuộc sống hoàn lương, chống tái nghiện, tái phạm và chống phân biệt kỳ thị.

- Thực hiện rà soát, thu thập thông tin, thống kê phân loại người nghiện ma túy ở xã, phường, thị trấn trong tỉnh; hướng dẫn UBND xã, phường, thị trấn lập kế hoạch tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, quản lý giáo dục tại địa phương theo quy định của pháp luật.

VII. Báo cáo số 55/BC-BPC ngày 06/12/2019 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc Kết quả giám sát về tình hình, kết quả xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước theo hướng tinh gọn phù hợp với việc xây dựng vị trí việc làm; có giải pháp để nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, tổ chức, địa phương; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Kết quả triển khai thực hiện:

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực thi nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, Điều 8 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND đã xác định trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trong xây dựng, thực hiện cơ cấu ngạch công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị, địa phương để sắp xếp, bố trí, tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Hằng năm, căn cứ quy định nêu trên UBND tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở nội vụ triển khai các biện pháp trong xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với việc triển khai thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương (khóa XII). UBND tỉnh đã có Công văn số 288/UBND-NC ngày 15/01/2020 về tăng cường thực hiện quy định chống chạy chức,

chạy quyền và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

2. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát việc xây dựng đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc để sớm xây dựng và hoàn thành đề án vị trí việc làm (gồm khung danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, làm cơ sở để các đơn vị sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và đẩy mạnh thực hiện tự chủ tài chính, góp phần tinh giản biên chế.

Kết quả triển khai thực hiện:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ đã tham mưu nhiều văn bản đơn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực theo từng vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tính đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt Khung danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực của từng vị trí việc làm của 689/749 đơn vị (đạt tỷ lệ 92%). Một số đơn vị chưa xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm chủ yếu là do lĩnh vực hoạt động sự nghiệp chưa được Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn (*lĩnh vực văn hóa thể thao; nông nghiệp và phát triển nông thôn...*); một số đơn vị sự nghiệp đang trong quá trình tổ chức sắp xếp theo kế hoạch và một số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chưa chủ động xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm theo thẩm quyền (*như Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất cấp huyện*)...

Nhìn chung, việc triển khai xây dựng và thực hiện đề án vị trí việc làm bước đầu đã xác định được vị trí việc làm là công việc gắn liền với nhiệm vụ của từng công chức, viên chức trong cơ quan; đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; là cơ sở để thực hiện việc sắp xếp, bố trí, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và quản lý.

3. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, tổ chức thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hàng năm.

Kết quả triển khai thực hiện:

UBND tỉnh đã chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt công tác tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, công bằng và đúng quy định. Cụ thể:

- Về tuyển dụng công chức: UBND tỉnh có Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức hành chính năm 2020 với 150 chỉ tiêu tuyển dụng. Kết quả đã tuyển dụng 120 thí sinh, còn thiếu 30 vị trí do không có thí sinh đăng ký dự tuyển hoặc không trúng tuyển.

- Về tuyển dụng viên chức: UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã có các văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền; triển khai thực hiện tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng BHXH từ 2015 trở về trước theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019.

- Về thi nâng ngạch công chức: Năm 2020, đã tiếp tục xây dựng Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính và đang

chờ ý kiến của Bộ Nội vụ phê duyệt, trước khi tổ chức thực hiện; đã cử 07 cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp do Bộ Nội vụ tổ chức và kết quả có 06 người đạt yêu cầu.

- Về thi thăng hạng viên chức: Ngành Y tế, ngành Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II theo hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành. Dự kiến sẽ hoàn thành chậm nhất là ngày 31/12/2020

4. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước ở địa phương, hoàn thiện đề án vị trí việc làm; chỉ đạo rà soát, sắp xếp kiện toàn các phòng chuyên môn của các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp, giảm đầu mối bên trong và thực hiện phương án giảm số lượng cấp phó theo đúng quy định của Chính phủ.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Việc sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện: Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục duy trì tổ chức 20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (gồm 17 cơ quan được tổ chức thống nhất ở các địa phương và 03 cơ quan đặc thù là Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch) và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; từ 12-13 cơ quan chuyên môn cấp huyện theo đúng quy định khung của Trung ương. Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh cũng đã được UBND tỉnh phê duyệt. Theo đó, đã giảm 54 tổ chức (20 phòng chuyên môn thuộc Sở, 03 Chi cục trực thuộc Sở, 34 phòng thuộc Chi cục và tương đương) so với thời điểm 31/12/2016.

Nhìn chung, tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính đã được sắp xếp tinh gọn gắn với tinh giản biên chế theo đúng mục tiêu, yêu cầu Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Trong thời gian tới, Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện rà soát, sắp xếp kiện toàn các phòng chuyên môn của các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp, giảm đầu mối bên trong và thực hiện phương án giảm số lượng cấp phó theo đúng quy định của Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của bộ ngành Trung ương.

- Về đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính: UBND tỉnh đã phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của 21/21 sở, ban và 11/11 UBND các huyện, thị xã, thành phố. Hiện nay, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đang thực hiện việc sắp xếp, tuyển dụng, cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo đúng yêu cầu vị trí việc làm và khung năng lực được phê duyệt.

5. Tăng cường kiểm tra, quản lý việc thực hiện biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp được giao hàng năm và việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, địa phương. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố có giải pháp giảm dần biên chế viên chức tại các Phòng Giáo dục và đào tạo.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Trong năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND

cấp huyện; rà soát, sắp xếp các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện gắn với thực hiện tinh giản biên chế kèm theo Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 09/6/2020. Đoàn kiểm tra Sở Nội vụ thực hiện kiểm tra trực tiếp tại một số sở, ban, ngành và UBND 11 huyện, thị xã, thành phố; đối với các cơ quan, đơn vị không kiểm tra trực tiếp, Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra trên cơ sở báo cáo, tổng hợp các nội dung tự kiểm của các cơ quan, đơn vị. Đến nay, công tác kiểm tra đã hoàn thành và đang hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất các kiến nghị UBND tỉnh xem xét chỉ đạo.

- Về biên chế viên chức làm việc tại các Phòng Giáo dục và Đào tạo: Qua kiểm tra, tại các huyện, thị xã, thành phố vẫn còn sử dụng 125 biên chế sự nghiệp để làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố khảo sát, xác định cụ thể khung vị trí việc làm và số lượng người làm việc theo vị trí việc làm để có phương án sắp xếp, bố trí biên chế của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo hướng tinh gọn, giảm dần biên chế sự nghiệp, khi cần thiết thì thực hiện biệt phái viên chức có thời hạn.

6. Hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thị và thành phố sớm tuyển dụng viên chức ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách thu hút bác sỹ, nhất là tại các Trung tâm Y tế cấp huyện, các Bệnh viện chuyên khoa như lao phổi, tâm thần. Xem xét bố trí biên chế ngành y tế và ngành giáo dục theo hướng phù hợp với quy mô về trường lớp, về số giường bệnh theo quy định để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ và yêu cầu của thực tiễn hiện nay.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Đối với ngành y tế: Thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sỹ, dược sỹ giai đoạn 2016 - 2021; các bác sỹ, dược sỹ về công tác tại các huyện miền núi, khó khăn, các bệnh viện lao, tâm thần có mức ưu đãi cao hơn so với các đơn vị khu vực thành thị, nông thôn. UBND tỉnh đã thống nhất cho Sở Y tế thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển đối với bác sỹ đào tạo liên thông, bác sỹ đào tạo chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập để tăng cường bác sỹ cho các trạm y tế, trung tâm y tế các huyện, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Tâm thần. Sở Y tế đang triển khai thực hiện.

b) Đối với ngành giáo dục và đào tạo: Công tác tuyển dụng viên chức, bố trí biên chế, thực hiện cơ chế tự chủ trong ngành giáo dục ở địa phương do UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động rà soát, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục.

Ngày 19/3/2019, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 454/SGDĐT-TCCB về việc thực hiện rà soát đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông đôn đốc UBND và giúp đỡ về chuyên môn cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc công tác tuyển dụng, biên chế, đảm bảo đội ngũ nhân sự để bố trí, sử dụng và thực hiện tinh giản biên chế giáo dục.

7. Thực hiện đúng quy định người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập là công chức theo quy định tại Nghị định 06/2010/NQ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ, nhất là đối với ngành giáo dục.

Kết quả triển khai thực hiện:

Hiện nay Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020 trong đó tại Khoản 1, Điều 1 quy định công chức không bao gồm người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn thống nhất triển khai thực hiện việc nộp tiền thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (không đảm bảo chi đầu tư) nhằm khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ, bảo đảm việc thực hiện chủ trương, mục đích của việc tự chủ là giảm áp lực chi ngân sách cho bộ máy hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; vì hiện nay một số quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập chưa cụ thể, rõ ràng, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Kết quả triển khai thực hiện:

Ngày 18/8/2020 UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 5543/UBND-TH về việc phối hợp rà soát, lập thủ tục cho thuê đất và miễn tiền thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh tổ chức cuộc họp đề xuất giải quyết vướng mắc liên quan đến việc thuê đất và miễn tiền thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định cho thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính trên địa bàn tỉnh. Đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính có trụ sở làm việc được UBND huyện, thị xã, thành phố bố trí trụ sở chung trong khuôn viên đất của UBND huyện, thị xã, thành phố hoặc các cơ quan hành chính khác do UBND huyện, thị xã, thành phố quản lý, đã được UBND tỉnh giao đất không thu tiền sử dụng đất, không thể tách riêng diện tích đất sử dụng được thì không thuê đất và nộp tiền thuê đất.

VIII. Báo cáo số 57/BC-BPC ngày 06/12/2019 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc Kết quả giám sát việc triển khai thi hành Luật Đất đai trên lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh (Từ ngày 01/7/2014 - 30/6/2019):

1. Chỉ đạo hoàn thành việc đo đạc bản đồ địa chính chính quy trên toàn tỉnh và từng bước tích hợp cơ sở dữ liệu về đất đai để quản lý đất đai theo hướng hiện đại. Bảo đảm các cấp ngân sách thực hiện trích tối thiểu 10% các khoản thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm để đầu tư cho việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy, đăng ký biến động về đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trong những năm qua, UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đầu tư kinh phí để thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu; UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 479/UBND-TH ngày 26/01/2018 chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền

thuê đất hàng năm cho công tác quản lý tài nguyên và môi trường, trong đó có công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Tuy nhiên, do điều kiện nguồn thu ngân sách tại các địa phương còn hạn chế, việc cân đối bố trí kinh phí để đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai chưa đảm bảo.

Đến nay, toàn tỉnh còn lại 62/159 xã, thị trấn, phường thuộc 05 huyện: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn chưa đo đạc bản đồ địa chính chính quy, trong đó 3 huyện Vĩnh Thạnh, Vân Canh và Hoài Ân còn sử dụng bản đồ giải thửa theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ từ những năm 1980.

Thực hiện kiến nghị của Ban Pháp chế HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sử dụng ngân sách tỉnh, với các nội dung cơ bản như sau:

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/2000; 1/5000;
- + Đo vẽ bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu 15 xã, thị trấn thuộc huyện Hoài Ân;
- + Đo vẽ bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu 07 xã, thị trấn thuộc huyện Vân Canh;
- + Đo vẽ bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu 09 xã, thị trấn thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai, trong đó có việc cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về đất đai.

Kết quả triển khai thực hiện:

Ngay sau khi Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã lập kế hoạch triển khai công tác phổ biến, tuyên truyền, cụ thể:

- Đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để cán bộ và nhân dân quan tâm truy cập; Biên tập tài liệu Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư của Bộ, ngành Trung ương gửi các Sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND cấp xã để có điều kiện nghiên cứu thực hiện;

- Đã phối hợp các cơ quan Trung ương (Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc) triển khai tuyên truyền chính sách pháp luật về đất đai tại các huyện miền núi như An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh; phối hợp Ban Dân tộc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh thực hiện phổ biến, tuyên truyền pháp luật về đất đai cho cán bộ, nhân dân tại các xã vùng sâu, vùng xa, các xã thuộc diện khó khăn, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó tập trung phổ biến nội dung về: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; quy định của pháp luật về điều kiện cấp Giấy chứng nhận QSDĐ;... Đồng thời, hàng năm lập kế hoạch phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực đất đai theo quy định.

Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề, trong đó mời chuyên gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp tập huấn cho đội

ngũ cán bộ, công chức chuyên môn về các nội dung chuyên ngành như: Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Quy định về công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Chính sách về giá đất; bồi thường giải phóng mặt bằng; Quy định về công tác đo đạc bản đồ,...

3. Rà soát việc thực hiện quy trình thủ tục, thời gian cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; kịp thời khắc phục những khâu chậm trễ; kiên quyết xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức những người, gây khó khăn cho người dân, tổ chức doanh nghiệp khi làm thủ tục cấp GCN.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Đối với kết quả rà soát thực hiện quy trình thủ tục, thời gian cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Căn cứ Bộ thủ tục hành chính được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và quy định của pháp luật về đất đai, UBND tỉnh đã ban hành 110 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi chức năng của Sở Tài nguyên và Môi trường trên tất cả các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường,... Trong đó, lĩnh vực đất đai có 48 TTHC. Riêng số lượng TTHC liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) là 24 TTHC.

Để thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc cấp Giấy chứng nhận, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 về quy định về trình tự thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và trách nhiệm phối hợp thực hiện trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực đất đai và giao dịch bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý và trách nhiệm thực hiện của Sở Tài nguyên và Môi trường (gồm 28 TTHC được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 27 TTHC được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; 12 TTHC được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã). Từ năm 2019, đã áp dụng phần mềm quản lý kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh, trên cơ sở đó, đã quản lý chặt chẽ kết quả giải quyết và quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan và cá nhân phụ trách, quy định cụ thể thời gian thực hiện từng công đoạn trong thủ tục hành chính.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập trong thực tế và với yêu cầu cải cách, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính đất đai, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, ngày 11/5/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 2982/UBND-KSTT thống nhất giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, tham mưu việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 và Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh. Hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổng hợp, hoàn chỉnh quy định để trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi.

b) Về kết quả thực hiện khắc phục những khâu chậm trễ thời hạn thuộc chức năng của các cơ quan nhà nước:

Đến nay, việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh đã ổn định, đã khắc phục một số tồn tại; kết quả giải quyết thủ tục hành chính hạn chế đến mức thấp nhất thời gian chậm chễ. Trong năm 2020, trường hợp hồ sơ giải quyết chậm chỉ còn 0,8% trong tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết. Hồ sơ chậm chễ này phần lớn do người sử dụng đất chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính.

c) Về xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức những nhiều, gây khó khăn cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận:

Trong thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ động thực hiện phổ biến, quán triệt các quy định của Trung ương, của tỉnh và đã ban hành nhiều văn bản nhằm kiểm soát, ngăn ngừa để cán bộ công chức viên chức và người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm, ngăn ngừa tình trạng những nhiều, gây phiền hà, khó khăn cho người dân, tổ chức khi thực hiện các nhiệm vụ công vụ. Việc phổ biến, giám sát chặt chẽ đã từng bước làm cho cán bộ, công chức nâng cao trách nhiệm, không để xảy ra sai phạm. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn có một vài trường hợp viên chức có tác phong lè lói làm việc chưa nghiêm túc, nhất là việc tiếp xúc công dân có biểu hiện chưa chuẩn mực (chủ yếu trong lĩnh vực cấp giấy CNQSD đất hộ gia đình, cá nhân). Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tiến hành kiểm điểm 02 tập thể lãnh đạo và 10 cá nhân liên quan. Trong thời gian đến, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, khi phát hiện sai phạm sẽ kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo UBND cấp huyện trong lập kế hoạch sử dụng đất (nhất là những nơi chưa có quy hoạch chi tiết), xét cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất trong quá trình chỉnh trang đô thị; rà soát các trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 và các trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền... theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ để thực hiện cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho từng trường hợp cụ thể và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Việc xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất trong quá trình chỉnh trang đô thị:

Thi hành Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh trình Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 27/7/2018. Đồng thời, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được UBND tỉnh phê duyệt, các địa phương thực hiện công bố niêm yết công khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh chỉ tiêu sử dụng đất, các địa phương đã báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng yêu cầu sử dụng đất của địa phương trong phát triển KT-XH và tuân thủ đúng quy định.

Việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất, theo quy định phải căn cứ vào quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực tế, trong quá trình cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, trường hợp có liên quan đến quy hoạch chi tiết, Văn phòng đăng ký đất đai đã chủ động có văn bản gửi Sở Xây dựng hoặc UBND cấp huyện để lấy ý kiến theo quy trình phối hợp giải quyết Thủ tục hành chính. Thời gian qua, hệ thống Văn phòng đăng ký đất đai 01 cấp hình thành, đã đẩy nhanh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân, trong đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã.

b) Về rà soát các trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật trước ngày 01/7/2014 và các trường hợp được giao không đúng thẩm quyền... để thực hiện cấp GCN quyền sử dụng đất cho từng trường hợp cụ thể:

Từ năm 2019 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác xử lý các trường hợp lấn, chiếm đất đai trên địa bàn tỉnh, trong đó có nội dung “xử lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014” theo quy định tại Điều 22, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó quy định chi tiết các nội dung liên quan đến trách nhiệm xử lý lấn, chiếm đất đai và quy định cụ thể các trường hợp được công nhận quyền sử dụng đất. UBND tỉnh đã có các văn bản chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện tăng cường hơn nữa trong công tác xử lý lấn, chiếm đất đai. Nhìn chung, tình trạng lấn, chiếm đất đai trên địa bàn tỉnh đã được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kiên quyết; các trường hợp vi phạm sau ngày 01/7/2014 hầu hết các địa phương kiên quyết vận động người dân tháo dỡ hoặc thực hiện biện pháp cưỡng chế tháo dỡ... nhằm lập lại kỷ cương trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn.

5. Tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với UBND cấp huyện trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về đất đai, nhất là các địa phương xảy ra tình trạng lấn chiếm, xây dựng trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng trái phép và công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chưa bảo đảm đúng quy định. Tập trung đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất đai.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thực hiện Luật Thanh tra, hướng dẫn của Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, định kỳ hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra ngay từ đầu năm và tổ chức thực hiện đầy đủ nội dung Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã đề ra.

Thời gian qua, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo giải quyết các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đặc biệt các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất đai. Theo đó, các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh đều được giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật, không để tồn

động, không để công dân khiếu nại kéo dài, vượt cấp; một số đơn thư kiến nghị, khiếu nại có tính chất phức tạp UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại với công dân, tổ chức cuộc họp thông nhất hướng giải quyết dứt điểm.

6. Thực hiện và hoàn thành các kiến nghị tại Báo cáo kết quả thanh tra của Bộ Tài nguyên - Môi trường về công tác quản lý, sử dụng đất đai và công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Kết quả triển khai thực hiện:

Năm 2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, đo đạc và bản đồ đối với Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai tại tỉnh và đã có Kết luận thanh tra số 3758/KL-BTNMT ngày 01/9/2016, Thông báo số 114/TB-BTNMT ngày 12/10/2018 về việc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra.

Năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/12/2015) và đã có Kết luận thanh tra số 1569/KL-BTNMT ngày 03/4/2017 và Thông báo số 115/TB-BTNMT ngày 12/10/2018 về việc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra.

Thực hiện các Kết luận thanh tra và Thông báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường nêu trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Đến nay, các nội dung được nêu tại các Kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan đã tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo các Thông báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo chỉ đạo của UBND tỉnh và UBND tỉnh đã có báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Có giải pháp cụ thể để triển khai các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai, nhất là việc đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động và xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai. Chỉ đạo giải quyết các trường hợp đất dự phòng 5% giao cho UBND cấp xã quản lý theo sổ sách nhưng thực tế UBND cấp xã không quản lý, sử dụng, gây lãng phí đất đai và là một trong những nguyên nhân của các tranh chấp liên quan đến đất đai.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Đối với nhiệm vụ “đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động và xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai”. Đến nay, đã hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động và xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn 05 huyện (An Lão, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, Tây Sơn) đưa cơ sở dữ liệu về đất đai đã xây dựng vào vận hành. Đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại chưa đo đạc bản đồ chính quy và xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, UBND tỉnh đang xem xét cân đối ngân sách thực hiện trích tối thiểu 10% các khoản thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm để đầu tư cho việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động về đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Để tiếp tục khắc phục bất cập trong công tác cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/0/019 về trình tự thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và trách nhiệm phối hợp thực hiện trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực Đất đai và Giao dịch bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý và trách nhiệm thực hiện của Sở Tài nguyên và Môi trường. Áp dụng quản lý hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử (VNPT Xgate) tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời, kịp thời tham mưu, đề xuất sửa đổi bổ sung những vấn đề chưa phù hợp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, tập trung giải quyết các trường hợp đơn thư khiếu nại liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và kịp thời.

- Về chỉ đạo giải quyết các trường hợp đất dự phòng 5%: Thực hiện Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 về giao quyền sử dụng đất nông nghiệp, căn cứ vào quỹ đất, đặc điểm và nhu cầu của địa phương, mỗi xã, phường, thị trấn được lập quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không quá 5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương (gọi tắt là đất 5%). Trong quá trình quản lý, sử dụng, công tác theo dõi sổ bộ, chỉnh lý biến động đất đai tại cấp xã chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ, nên đến nay, quỹ đất 5% tại cấp xã đã biến động. Qua kết quả kiểm kê đất đai, các địa phương đã xác định cụ thể diện tích đất do địa phương quản lý, trong đó có quỹ đất công ích. UBND tỉnh đã và đang chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng quỹ đất 5% tại cấp xã, đảm bảo quản lý, sử dụng chặt chẽ quỹ đất này, hạn chế gây lãng phí đất đai, trong đó có giải pháp “Đo đạc lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai”.

8. Tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách mới liên quan đến quản lý, sử dụng đất; tiếp tục tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức làm công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về đất đai.

Kết quả triển khai thực hiện:

Sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Tổng cục Quản lý đất đai thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức các đợt tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường, trong đó có đội ngũ cán bộ, viên chức thực hiện nhiệm vụ liên quan công tác cấp GCN quyền sử dụng đất. Đồng thời, phối hợp một số cơ quan trung ương (Ủy ban Dân tộc) và một số sở, ngành tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó có nội dung về đất đai. Thời gian đến, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, nhất là đối với cán bộ, viên chức tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và cán bộ địa chính cấp xã (người trực tiếp xử lý hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất).

9. Chỉ đạo giải quyết các hồ sơ có nguồn gốc giao không đúng thẩm quyền do các công ty, xí nghiệp,... tự phân phối, bố trí, cấp đất cho cán bộ, nhân viên từ trước ngày 15/10/1993 và từ 15/10/1993 đến 01/7/2014 theo các văn bản quy định

của Trung ương; đề xuất UBND tỉnh giải quyết 313 trường hợp vướng mắc về cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hoài Ân do bị mất sổ 5A, 5B và các trường hợp tranh chấp đất đai đối với chủ sở hữu cây trồng trên đất nhưng đất đã giao cho các hộ gia đình theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Trước đây, có trường hợp đất quốc phòng (không có nhu cầu sử dụng chuyên về địa phương) và một số công ty, xí nghiệp có trụ sở hoặc cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố Quy Nhơn được nhà nước giao đất để quản lý, sử dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí, cấp đất cho cán bộ, nhân viên không đúng quy định của pháp luật đất đai từ trước ngày 15/10/1993 và từ 15/10/1993 đến 01/7/2014.

Để giải quyết các tồn tại trước đây, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4785/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 thành lập Tổ kiểm tra liên ngành để kiểm tra, rà soát. Tổ kiểm tra liên ngành đã tiến hành kiểm tra, rà soát và có Báo cáo kết quả kiểm tra số 01/BC-TKT ngày 31/8/2017 đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Ngày 12/10/2017, UBND tỉnh có Thông báo số 219/TB-UBND giao UBND thành phố Quy Nhơn căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy định, chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định; giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm việc với các đơn vị trực thuộc Quân khu 5, Bộ Quốc phòng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn để rà soát, thống kê các trường hợp trước đây đã phân phối, bố trí đất cho quân nhân, báo cáo đề xuất UBND tỉnh; giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp UBND thành phố Quy Nhơn thống kê, rà soát đối với các trường hợp trước đây Nhà nước giao nhà ở tạm thời cho cán bộ, nhân viên, báo cáo đề xuất UBND tỉnh.

Trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện của các cơ quan, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát và đã có Văn bản số 1377/STNMT-VPĐK ngày 04/6/2020 về việc báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, tổng hợp, bổ sung các trường hợp sử dụng đất có nguồn gốc do các cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ, nhân viên để sử dụng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn. Ngày 06/7/2020, UBND tỉnh có Thông báo số 164/TB-UBND đề nghị các cơ quan đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát, giao Tổ kiểm tra liên ngành tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo.

- Về giải quyết 313 trường hợp vướng mắc về cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hoài Ân.

Thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, người dân được kê khai, đăng ký vào Sổ địa chính nhưng tại thời điểm đó chưa được chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi Luật đất đai 2003 có hiệu lực thi hành, một số hộ gia đình, cá nhân có tên trong sổ địa chính được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003. Tuy nhiên, khi Luật Đất đai 2013 có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/7/2014) quy định người sử dụng đất có tên trong Sổ địa chính lập sau 15/10/1993 không được xem xét là giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013. UBND huyện Hoài Ân đã thống kê có 313 trường hợp trên.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ động phối hợp với UBND huyện Hoài Ân

thực hiện cấp giấy đối với các trường hợp này, cụ thể: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có giấy tờ về quyền sử dụng đất khác quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013, điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận theo giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, trên cơ sở xác nhận của UBND xã về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp và sự phù hợp với quy hoạch đối với thửa đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (đối với trường hợp sử dụng đất không có hành vi vi phạm pháp luật đất đai) và Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (đối với trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014).

10. Kiểm tra việc thực hiện tiến độ đầu tư đối với diện tích đất đã giao cho các chủ đầu tư nhưng không triển khai hoặc chậm triển khai thực hiện làm cơ sở để thực hiện việc thu hồi hoặc xử phạt theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Trên toàn Khu kinh tế Nhơn Hội từ năm 2007 đến nay đã giao đất, cho thuê đất được 65 dự án, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khoảng 2.328 tỷ đồng nộp ngân sách Nhà nước, chưa tính số tiền thu từ các dự án trả tiền thuê đất hàng năm do cơ quan thuế thu.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án đang triển khai đầu tư xây dựng trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, UBND tỉnh đã chỉ đạo thành lập Đoàn công tác liên ngành tổ chức kiểm tra hiện trường và làm việc với các chủ đầu tư để kiểm tra tiến độ triển khai đầu tư của các dự án trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội. Trên cơ sở tham mưu đề xuất của Đoàn công tác liên ngành, UBND tỉnh đã chỉ đạo xử lý các dự án không triển khai hoặc chậm triển khai thực hiện theo quy định pháp luật. Trong thời gian đến, UBND tỉnh giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp tục theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai xây dựng dự án theo đúng tiến độ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh. Sau thời hạn quy định mà các chủ đầu tư không triển khai hoặc chậm triển khai xây dựng dự án theo tiến độ đề ra, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư.

IX. Báo cáo số 09/BC-BDT ngày 02/7/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về việc Kết quả giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về y tế đối với vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh:

1. Xem xét ban hành chính sách đặc thù về đào tạo, đãi ngộ và thu hút viên chức y tế, bác sĩ có chuyên môn cao về làm việc ở các huyện miền núi. Tăng mức phụ cấp cho nhân viên y tế thôn để đảm bảo nâng cao thu nhập.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành các chính sách đặc thù về đào tạo, đãi ngộ và thu hút viên chức y tế, bác sĩ có chuyên môn cao về làm việc tại tỉnh, trong đó có ưu tiên đối với các huyện miền núi, cụ thể:

- Về chính sách đào tạo: Thực hiện theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức

được cử đi đào tạo. Theo đó, các bác sĩ được cử đi đào tạo sau đại học được hưởng trợ cấp hàng tháng trong quá trình đào tạo và được hưởng trợ cấp sau khi tốt nghiệp sau đại học (Học viên hoàn thành khóa học, được cấp bằng tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, được trợ cấp một lần, cụ thể: Tiến sĩ : 80.000.000 đồng/người; Chuyên khoa cấp II : 60.000.000 đồng/người; Thạc sĩ : 30.000.000 đồng/người; Chuyên khoa cấp I : 20.000.000 đồng/người).

- Về chính sách thu hút, đãi ngộ: Thực hiện theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021 (Các bác sĩ có trình độ cao về công tác tại các huyện miền núi được hưởng chính sách thu hút từ 120 triệu đến 300 triệu; ngoài ra hàng tháng được hưởng chính sách ưu đãi, hệ số phụ cấp được hưởng hàng tháng từ 1,3 đến 2,0 tính theo mức lương cơ sở).

Thời gian tới, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ cho giai đoạn tiếp theo, trong đó vẫn tiếp tục ưu tiên cao hơn cho các huyện miền núi.

b) Đối với việc thực hiện phụ cấp cho nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quy định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh, cụ thể: Ngày 11/5/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản (sau đây gọi tắt là Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg), theo đó quy định Mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản bằng 0,5 và 0,3 so với mức lương tối thiểu chung được quy định như sau:

- Mức 0,5 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

- Mức 0,3 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã còn lại.

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 về việc điều chỉnh chế độ phụ cấp cho nhân viên y tế thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định, theo đó quy định:

- Nâng mức chi phụ cấp 0,5 so với mức lương tối thiểu chung đối với nhân viên y tế thôn làm việc tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

- Giữ nguyên mức phụ cấp 200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng còn lại (kể cả nhân viên y tế tại các tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn).

Việc thực hiện chi phụ cấp cho nhân viên y tế thôn tại tỉnh đã thực hiện đúng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh.

Ngoài ra, thực hiện Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020; y tế thôn tham gia các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 được hưởng mức phụ cấp hàng tháng cho người làm công tác viên các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và được ngành Y tế tỉnh thực hiện đúng theo quy định của Trung

ương.

2. Quan tâm đầu tư thỏa đáng trong xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ y tế đối với các trạm y tế vùng cao, vùng sâu có nhu cầu cao về khám chữa bệnh để thực hiện tốt chức năng y tế dự phòng, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trong những năm qua, cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành Y tế nói chung và các cơ sở y tế vùng cao, vùng sâu nói riêng từng bước được đầu tư theo chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2017 – 2020, bằng nhiều nguồn vốn như: Trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu của Trung ương, ngân sách tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, ngân sách sự nghiệp y tế hàng năm, ODA, các nhà tài trợ ... tỉnh đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các khoa/phòng của các BVĐK, chuyên khoa tuyến tỉnh, trung tâm chuyên khoa, TTYT các huyện, thị xã, thành phố và các trạm y tế xã, phường, thị trấn. Đến nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác khám chữa bệnh cho nhân dân; trong đó có 5 TTYT huyện Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Tây Sơn và các trạm y tế xã: An Nghĩa, huyện An Lão, Canh Liên, huyện Vân Canh, Vĩnh An, Bình Thuận, Bình Tân, huyện Tây Sơn với tổng kinh phí 104,2 tỷ đồng.

Trong thời gian tới, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, UBND tỉnh giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và chính quyền, đoàn thể các địa phương để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp về Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh đến năm 2025 theo Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh, gắn với tăng cường chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; trên cơ sở đảm bảo tính tuân thủ, thực thi phù hợp với các quy định, chính sách mới của Đảng và Nhà nước.

3. Đề xuất UBND tỉnh ban hành chính sách riêng về hỗ trợ bảo tồn, sử dụng các bài thuốc dân gian, phương pháp chữa bệnh cổ truyền có giá trị của đồng bào DTTS.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trong những năm qua, ngành Y tế chưa công nhận bài thuốc dân gian, phương pháp chữa bệnh cổ truyền nào theo các quy định của Bộ Y tế. Hiện nay, vẫn chưa có chính sách riêng của tỉnh về hỗ trợ bảo tồn, sử dụng các bài thuốc dân gian, phương pháp chữa bệnh cổ truyền có giá trị của đồng bào DTTS.

4. Thường xuyên quan tâm, theo dõi tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về y tế đối với vùng đồng bào DTTS để chủ động, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các cơ sở y tế ở tuyến xã và tuyến huyện về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật khám chữa bệnh, sử dụng các trang thiết bị y tế,... cho cán bộ y tế tuyến huyện miền núi.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Công tác theo dõi, giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về y tế, hoạt động y tế được UBND tỉnh, ngành y tế rất quan tâm và thực hiện thường xuyên, qua đó kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các cơ sở y tế ở tuyến xã và tuyến huyện, đặc biệt tại các huyện miền núi. Đến năm 2019, 100% số xã, thị trấn thuộc các huyện miền núi đã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Trung tâm y tế các huyện đã được xây dựng, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị phù hợp, đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về y tế về khám chữa bệnh, y tế dự phòng, bảo hiểm y tế... chưa phát hiện sai phạm đáng kể.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức luôn được Sở Y tế chú trọng, đặc biệt là đối với nhân viên y tế đang công tác tại các huyện miền núi. Trong 2 năm qua đã có 15 bác sĩ đang công tác tại các huyện miền núi được cử đi đào tạo sau đại học; 156 lượt viên chức y tế đang công tác tại các huyện miền núi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra, hàng năm Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc đã tổ chức rất nhiều lớp tập huấn chuyên môn nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên y tế.

X. Báo cáo số 14/BC-BDT ngày 18/11/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về việc Kết quả giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo tại vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh:

1. Bổ sung chính sách hỗ trợ trang cấp ban đầu (như: chăn, màn, chiếu gối, đồng phục, đồ đi mưa...) cho học sinh đầu cấp nhập học vào các trường phổ thông dân tộc bán trú thực hiện mỗi năm một lần.

Kết quả triển khai thực hiện:

Tiếp thu kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ trang cấp ban đầu cho học sinh đầu cấp nhập học vào các trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo.

2. Sửa đổi Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 theo hướng cho giáo viên mầm non trực tiếp dạy 02 buổi/ngày tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép từ hai độ tuổi trở lên hoặc trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người DTTS tại điểm chính cũng được hưởng chế độ, chính sách giống như giáo viên dạy tại điểm lẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

Kết quả triển khai thực hiện:

Nội dung kiến nghị sửa đổi Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, khẩn trương tổng hợp, đề xuất lên cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có chính sách miễn thu học phí 100% đối với học sinh cấp trung học cơ sở là người DTTS ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang học tại các

trường trung học cơ sở, các trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn các huyện nghèo, huyện trung du, miền núi. Bãi bỏ quy định phân biệt về khoảng cách từ nhà đến trường để thực hiện hỗ trợ đối với học sinh là người DTTS theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) *Về miễn thu học phí 100% đối với học sinh cấp trung học cơ sở là người DTTS ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:* Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh về việc Quy định mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Học sinh THCS là người DTTS ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hiện được hưởng chế độ giảm 70% học phí.

Theo quy định tại khoản 5, Điều 99 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 “Trẻ em mầm non 5 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này và học sinh trung học cơ sở được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định...”. Vì vậy, khi Chính phủ ban hành nghị định thực hiện miễn học phí cho học sinh trung học cơ sở theo lộ trình trên, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

b) *Về bãi bỏ quy định phân biệt về khoảng cách từ nhà đến trường để thực hiện hỗ trợ đối với học sinh là người DTTS theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ:* Tiếp thu kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, tổng hợp, kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất Chính phủ xem xét bãi bỏ quy định phân biệt về khoảng cách từ nhà đến trường để thực hiện hỗ trợ đối với học sinh là người DTTS theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, đảm bảo quyền lợi của các em học sinh và phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương.

4. Điều chỉnh định mức số lượng nhân viên giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017, vì theo quy định như hiện nay là tối đa 02 người nên trong việc quản lý học sinh gặp nhiều khó khăn.

Kết quả triển khai thực hiện:

Nội dung kiến nghị điều chỉnh số lượng nhân viên giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, khẩn trương tổng hợp, đề xuất lên cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Nâng mức cấp học bổng cho học sinh học tại trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 từ 80% mức lương tối thiểu lên 100% mức lương tối thiểu, vì mức học bổng hiện nay quá thấp, không đảm bảo đủ chi cho sinh hoạt và ăn uống của học sinh.

Kết quả triển khai thực hiện:

Chế độ học bổng cho học sinh học tại trường phổ thông dân tộc nội trú được quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc; cụ thể: *“Học bổng học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh, huyện và các trường dự bị đại học dân tộc được hưởng học bổng chính sách bằng 80% mức lương tối thiểu của Nhà nước và được hưởng 12 tháng trong năm”*.

Mức chi học bổng hiện nay là 1.192.000 đồng/học sinh/tháng; bình quân 39.733 đồng/ngày (30 ngày/tháng) là quá thấp, không đảm bảo đủ chi cho sinh hoạt và ăn uống của học sinh so với sự biến động của giá cả hiện nay.

Nội dung này đã được các Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri và đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung nội dung Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu kiến nghị tại Công văn số 646/BGDĐT-GDĐT ngày 03/3/2020; đang nghiên cứu để tham mưu với Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT để phù hợp với tình hình thực tế.

6. Xem xét, nâng mức trợ cấp ban đầu cho học sinh theo Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 17/11/1998 của UBND tỉnh cho phù hợp, vì mức trợ cấp hiện nay 50.000 đồng/học sinh là quá thấp.

Kết quả triển khai thực hiện:

Việc ban hành mức trợ cấp ban đầu cho học sinh theo Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 17/11/1998 của UBND tỉnh là nhằm hỗ trợ kinh phí cho học sinh dân tộc thiểu số học các lớp bán trú trong khi Trung ương chưa có chế độ cho học sinh dân tộc thiểu số học các lớp bán trú, trường bán trú.

Hiện nay, chính sách hỗ trợ cho học sinh dân tộc thiểu số học các trường phổ thông dân tộc bán trú được thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; các chính sách hỗ trợ cho học sinh được thụ hưởng bao gồm:

- Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;

- Hỗ trợ tiền nhà ở: Đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;

- Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

Các chính sách hỗ trợ cho học sinh nêu trên chưa bao gồm chính sách hỗ trợ trang cấp ban đầu cho học sinh đầu cấp nhập học vào các trường phổ thông dân tộc bán trú. UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo bổ sung chính sách hỗ trợ trang cấp ban

đầu (như: chăn, màn, chiếu gồi, đồng phục, đồ đi mưa...) cho học sinh đầu cấp nhập học vào các trường phổ thông dân tộc bán trú thực hiện mỗi năm một lần.

7. Xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh theo hướng nâng mức hỗ trợ cho học sinh từ 20 – 30% mức lương tối thiểu lên chung một mức là 40% mức lương tối thiểu, nhằm tránh tình trạng một trường học nhưng học sinh hưởng 02 mức hỗ trợ khác nhau.

Kết quả triển khai thực hiện:

Việc điều chỉnh nâng mức hỗ trợ cho học sinh, góp phần giải quyết khó khăn cho học sinh thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh. Tiếp thu kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan thống kê lại tình hình thực hiện chính sách này tại các huyện và các trường thuộc khối tỉnh đang áp dụng mức hỗ trợ theo Quyết định số 4212/QĐ-UBND, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết.

8. Bổ sung đối tượng là trẻ em DTTS theo học ở các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo được hưởng Chương trình Sữa học đường.

Kết quả triển khai thực hiện:

Về đối tượng trẻ em được ưu tiên uống sữa học đường miễn phí đã được Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình Sữa học đường của tỉnh cân nhắc và thống nhất đối tượng được thể hiện trong Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình Sữa học đường trong các cơ sở GDMN trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 đến năm 2020; trong đó không có đối tượng trẻ em người DTTS hộ cận nghèo theo học trong các cơ sở GDMN.

Vì vậy việc đề nghị “Bổ sung đối tượng là trẻ em DTTS theo học trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh thuộc diện cận nghèo được hưởng Chương trình Sữa học đường”, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, đề xuất cho các cấp có thẩm quyền trong giai đoạn tiếp theo.

9. Ưu tiên kinh phí cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại vùng DTTS, quan tâm đầu tư xây dựng các phòng học chức năng, phòng ở đang thiếu tại các Trường phổ thông dân tộc bán trú; xây dựng hệ thống nước phục vụ cho học sinh nội trú và nâng cấp, sửa chữa khu ký túc xá của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú; có chính sách đầu tư mỗi trường dân tộc nội trú một phòng giáo dục văn hóa dân tộc và trang bị nhạc cụ truyền thống để phục vụ việc dạy và sinh hoạt, bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số.

Kết quả triển khai thực hiện:

Việc đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông dân tộc nội trú sẽ được triển khai đầu tư theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Thực hiện theo phân cấp nhiệm vụ Quản lý nhà nước về giáo dục, việc đầu tư xây

dựng cơ sở vật chất trường học từ Mầm non đến THCS do UBND huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm; do đó, việc đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc các phòng Giáo dục và Đào tạo huyện do các huyện đầu tư; các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo do tỉnh đầu tư. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức khảo sát thực trạng về cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú để xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trường học đảm bảo yêu cầu dạy và học.

10. Có cơ chế cho địa phương thực hiện hợp đồng giáo viên để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên trong thời gian chờ thi tuyển.

Kết quả triển khai thực hiện:

Nội dung hợp đồng giáo viên để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên trong thời gian chờ thi tuyển đã có cơ chế thực hiện và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế, Công văn số 5075/BNV-TCBC ngày 26/9/2020 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ, Công văn số 7157/UBND-NC ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ.

UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động rà soát, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục. Sở Giáo dục và Đào tạo cũng đã có Công văn số 2147/SGDĐT-TCCB ngày 27/10/2020 về việc thực hiện chế độ hợp đồng lao động, tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ gửi các trường trực thuộc Sở để hướng dẫn thực hiện.

11. Ban hành văn bản triển khai thực hiện chính sách phát triển giáo dục và đào tạo tại vùng DTTS; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những chính sách không còn phù hợp. Rà soát đội ngũ giáo viên công tác tại vùng DTTS và có kế hoạch bổ sung giáo viên kịp thời. Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực sư phạm cho cán bộ, giáo viên công tác tại vùng DTTS.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Công tác tuyển dụng, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên ở địa phương do UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục. Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 454/SGDĐT-TCCB ngày 19/3/2019 đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc các nội dung về tuyển dụng, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và tinh giản biên chế giáo dục.

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo đều tổ chức thực hiện tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực sư phạm cho cán bộ, giáo viên toàn tỉnh trong đó có các cán bộ, giáo viên đang công tác tại vùng dân tộc thiểu số.

b) Đối với việc ban hành văn bản triển khai thực hiện chính sách phát triển giáo dục và đào tạo tại vùng DTTS; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những chính sách không còn phù hợp: Hiện nay, các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo tại vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đã được triển khai thực hiện đầy đủ theo các văn bản quy định của

Trung ương và địa phương (tất cả các chính sách đã có văn bản quy định). Việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung những chính sách không còn phù hợp đang được UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là kết quả thực hiện các kiến nghị qua giám sát của Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh trong năm 2019, UBND tỉnh kính báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban thuộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3 (100b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long